

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 847 /UBND-KT

V/v xin ý kiến về đề nghị xét, công nhận  
huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới  
năm 2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 17 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh đoàn.
- Thủ trưởng các sở, ngành: Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Kiên Giang và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Để đủ cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới của huyện An Biên (đính kèm dự thảo Báo cáo).

Ý kiến tham gia góp ý bằng văn bản gửi về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) trước ngày 25/5/2023.

2. Đề nghị Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Kiên Giang phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức công bố kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện An Biên (ít nhất 03 lần), hoàn thành trước ngày 22/5/2023.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng thông báo kèm theo toàn văn dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới của huyện An Biên lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các phương tiện thông tin



khác để mọi tổ chức và Nhân dân có thể đọc, tải về nghiên cứu và tham gia đóng góp ý kiến.

4. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện An Biên cung cấp tài liệu, thông tin khi các đơn vị, cá nhân có yêu cầu, đồng thời đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định. Tổng hợp các ý kiến góp ý của các đơn vị và người dân hoàn thiện hồ sơ và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31/5/2023.

Thông tin ý kiến đóng góp gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; địa chỉ: số 09, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Điện thoại 02973.777.471 hoặc 0917.723.488 (đ/c Nguyễn Thái Lưu); Email: vpdpntmkg@gmail.com.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia ý kiến để tổng hợp, đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT, UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VP ĐP NTM huyện AB;
- LĐVP, Phòng: KT, KGVX;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Lưu Trung*

**Nguyễn Lưu Trung**

Số: /BC-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2023

**Dự thảo**

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022  
đối với huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phân công các sở, ban ngành hướng dẫn, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện An Biên tại Tờ trình số 29a/TTr-UBND ngày 27/3/2023 đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022,

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện An Biên, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022 đối với huyện An Biên, cụ thể như sau:

## **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/5/2023. đến ngày 25/5/2023).

### **1. Về hồ sơ**

Huyện An Biên đã thực hiện và cung cấp đầy đủ hồ sơ theo đúng quy trình tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình số 29a/TTr-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

- Tổng hợp danh sách các xã đã được công nhận nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; thị trấn được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh trên địa bàn huyện;

- Báo cáo số 44a/BC-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang;

- Báo cáo số 44b/BC-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2022 trên địa bàn huyện An Biên;

- Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

- Báo cáo số 41b/BC-UBND ngày 22/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện An Biên tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, tỉnh Kiên Giang;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện.

### **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới**

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Huyện ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch về xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, xây dựng quy hoạch và đề án xã nông thôn mới theo qui định, làm căn cứ triển khai thực hiện. Chỉ đạo cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của cấp ủy, chính quyền các cấp, lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của các phòng, ban,

ngành, đoàn thể huyện để triển khai thực hiện; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có sự phối hợp, hỗ trợ các xã trong công tác xây dựng nông thôn mới. Quá trình thực hiện, định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm và quan tâm công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở.

\* Giai đoạn 2010 - 2015:

Để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015, UBND huyện đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo (BCĐ) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách kinh tế làm Phó ban thường trực và thủ trưởng các cơ quan, ban ngành cấp huyện tham gia làm thành viên; ban hành quy chế hoạt động của BCĐ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Đồng thời, thành lập Văn phòng điều phối NTM huyện để giúp BCĐ điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình. Đối với các xã, chỉ đạo thành lập Ban quản lý Chương trình MTQG xây dựng NTM, thành phần gồm: Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; thành viên là đại diện một số ngành, đoàn thể xã, Trưởng ấp.

\* Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, UBND huyện đã thành lập và thường xuyên kiện toàn BCĐ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của huyện, trên cơ sở 02 Ban Chỉ đạo là Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG về xây dựng NTM và Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG giảm nghèo nhập thành 01 Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016 – 2020 do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; lãnh đạo các phòng ban ngành và cơ cấu các tổ chức chính trị - xã hội làm thành viên của BCĐ thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công. Ban Chỉ đạo huyện đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên ngoài nhiệm vụ phụ trách từng tiêu chí NTM còn phụ trách giúp đỡ địa phương trong quá trình triển khai thực hiện chương trình để giúp Trưởng BCĐ huyện kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; BCĐ huyện ban hành Chương trình công tác năm của BCĐ NTM huyện, Kế hoạch 5 năm về tiếp tục xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.

Hàng năm tổ chức Hội nghị tổng kết công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm trước và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm kế tiếp; chỉ đạo lồng ghép tổ chức các phong trào thi đua thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đối với các ban ngành, đoàn thể cấp huyện và UBND các xã.

Hàng năm, Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp mở rộng làm việc chuyên đề về xây dựng NTM nhằm đánh giá tiến độ triển khai thực hiện và định hướng chỉ đạo trong giai đoạn 2018-2020 với các ban, ngành, đoàn thể huyện trong thời gian tới. Bên cạnh đó, ban hành Chỉ thị số 07-CT/HU về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng NTM và thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

**\* Giai đoạn 2021 - 2025:**

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Chương trình, UBND huyện đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo huyện thực hiện các Chương trình MTQG của huyện trên cơ sở các văn bản từ Trung ương, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Bộ máy quản lý từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả năng lực quản lý. Ban Chỉ đạo huyện, Ban quản lý xã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

**3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

**3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện An Biên: 08 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 08/08 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đạt 100%.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 01 xã (*xã Đông Yên*).

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 12,5%.

**3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:**

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn (*thị trấn Thứ Ba*).
- Số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 01/01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: Đạt 100%.

**4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã trên địa bàn:**

**4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:**

Về quy hoạch chung xây dựng xã: Cuối năm 2012, có 08/08 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo quy định và trên cơ sở quy hoạch được duyệt địa phương đã triển khai thực hiện đúng theo quy hoạch. Đến năm 2021, có 100% xã đã hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới cho phù hợp với điều kiện phát triển thực tế. Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân huyện nên sau khi các đề án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các xã đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch đúng theo quy định, và hoàn thành cắm mốc chỉ giới xây dựng các công trình hạ tầng theo quy hoạch. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định phê duyệt quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch, phê duyệt các đề án để thực hiện công tác đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch được duyệt.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:**

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn là tiền đề phát triển các lĩnh vực, tạo ra diện mạo mới, sức sống mới khởi sắc cho bộ mặt nông thôn. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển, đặc biệt là góp phần thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trên thị trường. Xác định được ý nghĩa đó, bằng sự tập trung ưu tiên về nguồn lực, huyện đã đầu tư cơ sở hạ tầng đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

##### **4.2.1. Về Giao thông:**

Giao thông nông thôn góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và đáp ứng yêu cầu của nhân dân cũng như tạo điều kiện hoàn thành các tiêu chí khác trong 19 tiêu chí xã nông thôn mới nên được huyện chú trọng đầu tư, nhân dân đồng tình tự nguyện thực hiện, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Qua hơn 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện, xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch đảm bảo ô tô lưu thông được. Đường xã và đường từ trung tâm các xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa là 52/52km, đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. Đường trục ấp, liên ấp được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 342,5/356,1 km, đạt 96,18%. Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm là 375,6/375,6 km đạt tỷ lệ 100%, trong đó được cứng hóa 295,9/375,6 km đạt tỷ lệ 78,78%.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 2 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

##### **4.2.2. Về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai:**

Đến nay, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đã cơ bản được nạo vét đồng bộ, tạo thành một hệ thống thủy lợi liên xã theo đúng quy hoạch, đáp ứng tốt công tác điều tiết nước tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời phục vụ tốt nhu cầu giao thông đi lại bằng đường thủy và đảm bảo nhu cầu dân sinh.

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động của 08/08 xã là: 29.130,56ha/30.461,20ha, đạt 95,63%.

Công tác phòng chống thiên tai luôn được huyện quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, hàng năm các xã, thị trấn đều chủ động xây dựng kế hoạch

phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thực hiện tốt công tác 4 tại chỗ; chủ động trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thường xuyên tuyên truyền công tác phòng chống thiên tai đến các địa phương, các cán bộ được tập huấn nâng cao năng lực công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nhằm đảm bảo chủ động phòng chống và hạn chế đến mức thấp nhất những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra. Các xã đều thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn theo phương châm 4 tại chỗ được phê duyệt theo quy định của luật phòng chống thiên tai.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 3 về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.3. Về Điện:

Huyện tiếp tục triển khai, thực hiện tiêu chí trên địa bàn các xã, huyện chỉ đạo ngành chuyên môn, tích cực phối hợp, hỗ trợ ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện. Đến nay, ngành điện đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống truyền tải điện (lưới trung thế, hạ thế và trạm biến áp) đến tất cả các xã, ấp và chỉ đạo làm tốt mạch điện kế cho các hộ dân trên địa bàn huyện, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng, phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân. Khối lượng lưới điện trên địa bàn huyện An Biên như sau: Đường dây trung thế dài 417,446 km; đường dây hạ thế dài 746,704 km; 670 trạm biến áp với tổng dung lượng 41.893 kVA. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện theo quy định.

Đến nay, tổng số hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn của toàn huyện là 30.376 hộ, đạt 99,21%.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 4 về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.4. Về Trường học:

Huyện An Biên đã khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội từ các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh và đặc biệt là sự đầu tư của các Doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, huyện đã tập trung huy động các nguồn vốn sửa chữa cải tạo, xây dựng mới phòng học, phòng chức năng và công trình phụ trợ như: hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị dạy học, gắn với việc sắp xếp lại trường lớp, nhất là các điểm học lẻ.... Từ đó, trường, lớp học ngày một khang trang hơn, tạo điều kiện cho các em học sinh học tập tốt hơn. Diện mạo trường lớp ở 08 xã có nhiều khởi sắc.



Trên địa bàn các xã hiện nay có 38 đơn vị trường học. Trong đó có: 08 trường Mầm non, 22 trường Tiểu học, 06 trường THCS và 02 trường THCS&THPT; đến thời điểm hiện tại toàn huyện có 27 trường đạt chuẩn Quốc gia (MN 07; TH 13, THCS 06, THCS&THPT 01) đạt tỷ lệ 71,05%, số trường còn lại đạt chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 5 về Trường học theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa:

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Từ đó, tập trung đầu tư xây dựng 8/8 xã đã hoàn thiện Trung tâm Văn hóa – Thể thao, với tổng kinh phí 29.202.599.689 đồng. Các Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đều có: hàng rào xung quanh khu vực Trung tâm, sân khấu ngoài trời, hội trường đa năng, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, các áp điều có điểm sinh hoạt tập trung cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động phong trào văn hóa - văn nghệ và các sự kiện chính trị ở địa phương.

Trong triển khai thực hiện tiêu chí về văn hóa, huyện luôn quan tâm và thường xuyên vận động xã hội hóa, đến nay các xã đều có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Đồng thời hàng năm các xã đều có xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện về phòng chống đuối nước cho trẻ em.

Trên địa bàn huyện có 73/73 ấp chiếm tỷ lệ 100% ấp có trụ sở làm việc gắn với điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho bà con với tổng diện tích là 4.484 m<sup>2</sup>. Cùng với sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền hệ thống thiết chế văn hóa các xã, ấp, khu phố được quản lý, khai thác và sử dụng hết chức năng, đảm bảo phục vụ văn hóa, văn nghệ, hội nghị, hội thảo tại địa phương, tận dụng một số sân của hộ gia đình làm sân bóng chuyền, cầu lông, thể dục dưỡng sinh... góp phần tích cực trong việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng và sửa chữa 73/73 trụ sở ấp là 7.359.946.798 đồng.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Toàn huyện có 02/08 xã có quy hoạch chợ (xã Đông Yên, Đông Thái). Trong đó chợ xã Đông Yên do người dân đầu tư phù hợp với quy hoạch được duyệt, chợ Đông Thái do Nhà nước đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động. 06 xã còn lại có các điểm mua bán, trao đổi hàng hóa phục vụ nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân. Đảm bảo các cửa hàng có bảng hiệu, giấy phép kinh doanh. Thời gian mở cửa phù hợp cho mua sắm hàng ngày của người dân. Diện

tích tối thiểu 50m<sup>2</sup>, danh mục hàng hóa đảm bảo từ 200 mặt hàng trở lên. Bố trí quầy khu vực trưng bày sản phẩm nông nghiệp tại địa phương. Ngoài ra một số doanh nghiệp đã và đang đầu tư, đưa vào hoạt động một số loại hình như: cửa hàng Bách hóa xanh, Điện máy xanh phục vụ nhu cầu mua sắm của nhân dân.

Các chợ đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý chợ, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.7. Thông tin và Truyền thông:

Hiện các xã trên địa bàn huyện có bưu điện văn hóa xã đảm bảo phục vụ cho hoạt động bưu chính, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông của các tổ chức, nhân dân tại địa phương như: Tiếp nhận hồ sơ 1 cửa, gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyên phát nhanh, phát hành báo,... và được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tổ chức cung ứng và phục vụ nhu cầu dịch vụ bưu chính, dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Các xã đều có trụ sở bưu điện văn hóa, là điểm giao dịch phục vụ bưu chính: tiếp nhận, phát thư, bưu kiện hàng hóa, dịch vụ ..., được trang bị các thiết bị cần thiết và đủ nhân sự phục vụ; có treo biển tên điểm phục vụ theo quy định; có niêm yết giờ đóng, mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ; có dịch vụ thư, địa chỉ nhận, khối lượng đơn lên đến 2kg; có dịch vụ gói, kiện hàng hóa, khối lượng đơn đến 5kg.

Huyện có 67/67 ấp có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng di động mặt đất, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Các xã trên địa bàn huyện đều có đài truyền thanh xã đáp ứng các quy định về thiết bị. Tại các ấp của 8/8 xã trên địa bàn huyện hiện có 92 cụm loa được phủ đều đến các ấp và đảm bảo 67/67 ấp đều có cụm loa thường xuyên hoạt động đảm bảo thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn thể nhân dân trong xã, đảm bảo việc tiếp sóng, phát lại các chương trình thời sự và các chương trình khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện; phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân tại địa phương.

Các xã có trang thiết bị máy tính phục vụ cho công tác của cán bộ, công chức. Các xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành như: có hệ thống quản lý văn bản, có hệ thống thư điện tử chính thức của cơ

quan nhà nước, có hệ thống một cửa điện tử. Có 8/8 xã có sử dụng 04 phần mềm phụ vụ quản lý và chỉ đạo, điều hành: Phần mềm Trang hồ sơ công việc địa chỉ ứng dụng vb-kienhai.kiengiang.gov.vn liên thông văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 8 về Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.2.8. Nhà ở dân cư:

Trong thời gian qua, Huyện ủy, UBND huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các xã đã vận động, huy động các nguồn vốn Nhà nước cho vay ưu đãi, vốn hỗ trợ của các tổ chức, các công ty, doanh nghiệp và vận động nhân dân quan tâm triển khai thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ cất nhà cho gia đình chính sách, người có công, nhà đại đoàn kết, nhà tình thương... cho hộ nghèo, cận nghèo. Đến nay 8/8 xã không còn nhà tạm, dột nát.

Từ các chương trình hỗ trợ trên, cùng với đời sống người dân được nâng lên rõ rệt, người dân có điều kiện xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà ở ngày càng khang trang. Đến nay, 08/08 xã có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố là: 24.730 hộ/27.165 hộ đạt 91,04%, còn lại 2.435 hộ có nhà đạt trên 2 cứng, chiếm 8,82% nhưng kết cấu nhà vẫn đảm bảo an toàn cho người sử dụng, niên hạn sử dụng trên 5 năm và đảm bảo vẽ mỹ quan, kiến trúc.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### 4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

#### 4.3.1. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

Xác định phát triển sản xuất là vấn đề cốt lõi nhằm nâng cao thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nông dân, nhất là huyện thực hiện chủ trương chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang một vụ tôm một vụ lúa mang lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững. Bên cạnh hàng năm huyện đã và đang đẩy mạnh triển khai các chương trình, dự án ứng dụng khoa học công nghệ, lồng ghép xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã với nhiều mô hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản như: đã triển khai 12 Dự án “Cánh đồng lớn” với diện tích 1.200ha thực hiện 2 vụ/năm; 45 điểm Mô hình chăn nuôi trồng trọt; qua đó có 12 mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; ngoài ra huyện đã phối hợp Trường Đại học Cần Thơ triển khai đề tài nghiên cứu đánh giá tài nguyên đất, thổ nhưỡng phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, đề tài cải tiến qui trình nuôi tôm lúa ứng dụng công nghệ IOT... Qua các Chương trình, dự án, mô hình thực hiện đều đem lại hiệu quả, giúp nông dân tiếp cận được khoa học kỹ thuật sản xuất

trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản góp phần tăng thu nhập cho người dân, tăng chất lượng cho nông sản trên diện tích của nông hộ. Mặt khác làm đa dạng hoá giống loài ở địa phương đặc biệt trong nuôi trồng thủy sản. Từ đó tạo bộ mặt khởi sắc cho nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân.

+ Về sản xuất lúa: Tổng diện tích gieo cấy cả năm 31.708 ha, năng suất bình quân 5,74 tấn/ha, tổng sản lượng 182.008 tấn/năm, trong đó lúa chất lượng cao 31.074 ha, có 300ha diện tích lúa sản xuất theo mô hình hữu cơ trên địa bàn các xã, tiêu biểu như: HTX Bào Trâm xã Nam Yên, HTX Nam Quý xã Đông Thái, HTX Mường 40 xã Tây Yên A sản xuất theo mô hình lúa – tôm đạt chứng nhận lúa hữu cơ.

+ Về thủy sản: Huyện có tiềm năng về khai thác và nuôi trồng thủy hải sản. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng năm 2022 là 52.970 tấn trong đó: Về khai thác: Toàn huyện hiện có 332 phương tiện khai thác và phục vụ đánh bắt, với tổng công suất 79.140 CV, tổng sản lượng khai thác cả năm đạt 13.324 tấn. Về nuôi trồng: Tổng diện tích nuôi thả thủy sản các loại 30.355,8ha, tổng sản lượng 39.646 tấn. Đặc biệt là diện tích nuôi tôm 24.900,8 ha, tổng sản lượng 12.668 tấn. Ngoài ra huyện có diện tích nuôi sò huyết là 5.200 ha, sản lượng 16.320 tấn. Có nhiều mô nuôi có hiệu quả như Tổ hợp tác Nuôi sò áp 7 Biển xã Nam Thái A, cua biển Tổ hợp tác áp Ba Biển B đạt chứng nhận VietGap; mô hình nuôi sò, vẹm xanh bãi bồi ven biển xã Nam Thái, cá bóng mú, cá chẽm của Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao và năng lượng Biển Tây đạt chứng nhận sản phẩm OCOP; mô hình nuôi thê ứng dụng công nghệ cao áp Ba Biển xã Nam Yên cho doanh thu hàng tỷ đồng mỗi năm.

+ Về chăn nuôi: Định hướng tổ chức chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Toàn huyện có 306 con gia súc, đàn heo có 24.100 con, đàn gia cầm có 396.500 con. Mô hình mang lại hiệu quả như mô hình chăn nuôi kết hợp VAC, mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học, mô hình nuôi lợn không bùn ... ở xã Đông Yên, Đông Thái, Hưng Yên cũng đã góp phần tăng thu nhập cho nông dân các xã.

#### *4.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:*

Song song với phát triển kinh tế nông nghiệp thì phát triển công nghiệp được xác định là bước đột phá để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, từ đó công tác kêu gọi đầu tư được quan tâm triển khai. Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng và ngành Thương mại - Dịch vụ hàng năm đều tăng lên chiếm 38,01% trong cơ cấu kinh tế. Tập trung quy hoạch các khu cụm công nghiệp, Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, khuyến khích các cơ sở phát triển ổn định các ngành nghề như: Sản xuất tàu composite; sản xuất chế biến lương thực; đồ sắt, nhôm và thủ công mỹ nghệ... Huyện đã được Tỉnh, Trung ương quan tâm quy hoạch khu công nghiệp Xẻo Rô, trung tâm Dịch vụ - Hậu cần nghề cá.

Bên cạnh đó, tập trung thúc đẩy phát triển các ngành nghề nông thôn như: Nghề đóng tàu, kinh doanh tạp hóa, vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp, xăng-dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (gas đốt), ăn uống,... Rà soát, sắp xếp lại việc mua bán của các hộ tiểu thương ở hệ thống các chợ xã; quy hoạch xây dựng Khu đô thị thứ 7 thuộc xã Đông Thái đến nay đạt đô thị loại 5. Phát triển mạnh các dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ internet, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, các tuyến vận tải, giao thông kết nối phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân.

#### 4.3.3. Thu nhập:

Trong những năm qua, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển mọi lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ,... UBND các xã đã tập trung chỉ đạo ưu tiên các chính sách để hỗ trợ cho phát triển sản xuất trên địa bàn. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, các mô hình có hiệu quả như mô hình cánh đồng lớn trên lúa, nuôi tôm công nghiệp, tôm - lúa, nuôi tôm - cua - lúa, sò huyết, nuôi lươn không bùn, nuôi chim yến... tập trung phát triển sản xuất, ưu tiên phát triển sản phẩm hàng hóa chủ lực gắn với phát triển sản phẩm OCOP; khuyến khích liên kết, liên doanh trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa; thực hiện từng bước “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới”. Thu nhập bình quân đầu người của các xã năm 2022 đạt từ 54 triệu đồng trở lên.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 10 về Thu nhập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.3.4. Nghèo đa chiều:

Thời gian qua, với sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị xã hội các cấp, các ngành trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo; cùng với trách nhiệm tham gia của người dân, người nghèo trong các hoạt động giảm nghèo; các chế độ, chính sách về giảm nghèo, giới thiệu kinh nghiệm làm ăn, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, cách làm hay, mô hình giảm nghèo hiệu quả để nhân rộng nên đến nay trên địa bàn các xã còn 621 hộ nghèo (trong đó 188 hộ nghèo không có khả năng lao động); hộ cận nghèo 848 hộ (trong đó có 192 hộ cận nghèo không có khả năng lao động), vậy nghèo đa chiều có 1.089 hộ chiếm 3,58%, so với tổng số hộ dân cư toàn huyện (trong đó tỷ lệ nghèo đa chiều của các xã đều dưới 4%, đạt theo qui định).

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.3.5. Lao động:

Trong những năm qua huyện đã triển khai thực hiện tốt Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao

động nông thôn đến năm 2020” do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Để nâng cao được hiệu quả đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động trong độ tuổi ở khu vực nông thôn, xã đã tập trung vận động khuyến khích các hộ gia đình có con em trong độ tuổi nếu không thi đậu đại học, cao đẳng... thì chuyển sang học nghề; hướng dẫn, vận động nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng đa dạng hóa, từng bước nâng cao năng suất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nghề ngăn ngừa cho lao động nông thôn trên các lĩnh vực như: chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, nuôi trồng thủy sản,...kết quả tỷ lệ lao động qua đào tạo là 58.459/75.590 người đạt 77,34% (chuẩn  $\geq 70\%$ ). Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 23.651/75.590 người đạt 31,29% (chuẩn  $\geq 25\%$ ).

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 12 về Lao động theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.3.6. Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn:

Toàn huyện có 32 hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 với tổng số thành viên là 1.834 thành viên, tổng diện tích là 3.036,7 ha, tổng vốn điều lệ là 1.328 triệu đồng (trong đó có 13 HTX sản xuất lúa 2 vụ và 19 HTX sản xuất tôm lúa). Hàng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch, chỉ đạo UBND xã và các phòng chuyên môn, hỗ trợ và củng cố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các HTX trên địa bàn. Đến nay, đã lựa chọn 8 HTX để đánh giá về tiêu chí 13.1, đây là các HTX có tình hình hoạt động tốt, hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

UBND huyện đã chỉ đạo nhân rộng mô hình kinh tế tập thể, mô hình cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt lúa-tôm được xác định là chủ lực của huyện, nên đã được quan tâm triển khai các chương trình phát triển sản xuất để thu hút các Công ty, Doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng năm, 8/8 xã đều có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa. Như mô hình liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ của HTX nông nghiệp Nam Quý xã Đông Thái, HTX đã liên kết sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ với Doanh nghiệp tư nhân Hồ Quang Trí với tổng diện tích là 31,8 ha, thành viên HTX lợi nhuận 47 triệu đồng/ha; HTX Bào Trâm liên kết sản xuất tiêu thụ với Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An với tổng diện tích là 140 ha, thành viên HTX lợi nhuận là 35 triệu đồng/ha.

Các xã đã tập trung triển khai thực hiện tốt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện từ đó đã xây dựng được vùng nguyên liệu tập trung cho 2 sản phẩm chủ lực tôm và lúa. Hiện các xã đã thực hiện tốt công tác cấp mã số cơ sở nuôi tôm nước lợ để truy xuất nguồn gốc sản phẩm tôm và đang triển khai cấp mã số vùng trồng lúa cho diện tích lúa hè thu, lúa mùa và đông xuân trên địa bàn các xã đến nay đã cấp được 23 mã vùng trồng lúa cho 23 HTX, đồng thời có mô hình liên kết doanh nghiệp sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt, đạt

tiêu chuẩn VietGap, hữu cơ, thực hiện truy xuất nguồn gốc, thương mại sản phẩm và phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn các xã.

Đến nay trên địa bàn 8 xã có 01 nghề truyền thống, là nghề mắm ruốc ở xã Tây Yên. Huyện có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

Hiện 8/8 xã có Tổ kinh tế kỹ thuật hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và thành lập Ban nông nghiệp, 8/8 xã có Tổ khuyến nông xã do Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách và các ngành có liên quan đi vào hoạt động có hiệu quả, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng nhân rộng mô hình trên địa bàn.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:**

##### **4.4.1. Về giáo dục và đào tạo:**

Huyện thực hiện nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phân luồng học sinh. Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được mở rộng và phát triển. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư ngày một khang trang, sạch đẹp, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu dạy và học. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; huyện có 8/8 xã đạt chuẩn quốc gia về công tác phổ cập giáo dục MNT5T, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (100% xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3), phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 (100% xã đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2, trong đó có 03 xã Tây Yên A, Nam Yên và Đông Yên đạt chuẩn mức độ 3), xóa mù chữ đạt mức độ 2 (100% xã đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2).

Năm học 2021-2022, Huyện thành lập 11 hội đồng xét THCS, qua kết quả có 1.311/1.312 học sinh TN THCS, tỷ lệ đạt 99,92%, trong đó 1.166/1.311 học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt 89% (chuẩn  $\geq 80\%$ ).

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

##### **4.4.2. Về Y tế:**

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): Huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành cùng Ủy ban Nhân dân các xã vận động tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm y tế, đến nay toàn huyện có 106.736/116.650 thẻ, đạt tỷ lệ 91,5%, các xã có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đều đạt từ 90% trở lên (chuẩn  $\geq 90\%$ ).

Công tác phát triển y tế luôn được quan tâm, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực của hệ thống y tế cơ sở được tăng cường đầu tư, đáp ứng theo quy định của một trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia. Đến nay toàn huyện có 8/8 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đều đạt dưới 19%. Cụ thể: Xã Nam Thái là 66/960 chiếm 6,88%; Xã Nam Thái A là 53/602 chiếm 8,8%; Xã Tây Yên là 96/987 chiếm 9,73%; Xã Tây Yên A là 97/812 chiếm 11,95%; Xã Nam Yên là 119/1152 chiếm 10,33%; Xã Đông Thái là 97/1635 chiếm 5,93%; Xã Đông Yên là 147/1057 chiếm 13,91%; Xã Hưng Yên là 128/1366 chiếm 9,37%.

Trung tâm Y tế huyện phối hợp các xã, tổ chức tập huấn hướng dẫn cho cán bộ, viên chức và Trạm y tế, người dân về xây dựng sổ khám chữa bệnh điện tử, cài đặt phần mềm VN CARE. Từ đó tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử của các xã đạt từ 50% trở lên.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 15 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.4.3. Về Văn hóa:

Thường xuyên quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức về việc giữ gìn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; để nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, những năm qua Ban Chỉ đạo huyện thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn, kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban vận động các ấp, khu phố, các cơ quan, đơn vị; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện bám sát theo quy chế của Ban Chỉ đạo tỉnh. Đến nay toàn huyện 73/73 ấp đều có Quyết định về việc công nhận quy ước của UBND huyện An Biên; có 73/73 đạt 100% áp được công nhận đạt chuẩn văn hóa theo quy định. Các di tích trên địa bàn huyện luôn được quan tâm bảo tồn, trùng tu, tôn tạo và phát huy, duy trì các hoạt động lễ hội hàng năm đảm bảo theo quy định phát luật. Đồng thời các di tích là nơi phục vụ khách tham quan du lịch tâm linh kết hợp du lịch sinh thái trên địa bàn huyện trong thời gian tới.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 16 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm:

Hiện nay, trên địa bàn huyện An Biên đã được tỉnh đầu tư 5 nhà máy nước. Trong đó: 4 nhà máy nước do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp cho tổng số 12.737 hộ, 1 nhà máy nước do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang quản lý phục vụ nước sinh hoạt cho các xã, thị trấn, bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực. Qua rà soát, trên địa bàn huyện hiện có 12.737 hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống trạm cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 46,15%. Huyện đã làm tờ trình đề nghị UBND tỉnh, Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh đầu tư mới 01 trạm cấp nước



tập trung để cung cấp cho 1.000 hộ dân trên địa bàn xã Đông Yên và 1.694 hộ dân trên địa bàn xã Hưng Yên. Sau khi công trình được đầu tư xây dựng, huyện có tổng cộng 6 nhà máy cấp nước tập trung, cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn cho 15.431 hộ dân, đạt tỷ lệ 56,8%.

Về cơ sở sản xuất kinh doanh: Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản và làng nghề thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính về môi trường trên địa bàn 08 xã là 114 cơ sở. Trong đó, có 114/114 cơ sở đã được xác nhận/phê duyệt thủ tục môi trường theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Trong quá trình hoạt động, các cơ sở thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt như: nước thải, chất thải rắn được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản: Hiện trên địa bàn huyện đa phần các hộ gia đình áp dụng nuôi một vụ tôm, một vụ lúa hoặc nuôi với quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình nên không có đăng ký hồ sơ, thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật. Các hộ nuôi trồng thủy sản luôn tuân thủ quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương và các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp tại Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Các chất thải phát sinh từ quá trình nuôi như bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ruộng tôm được tận dụng san lấp mặt bằng hoặc vun gốc cho cây trồng.

Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

- *Đối với hệ thống cây xanh:* Cảnh quan môi trường, đường làng ngõ xóm, khu dân cư đều được chỉnh trang đảm bảo xanh, sạch, đẹp và trồng hàng rào xanh; Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng. Hàng rào bằng cây xanh được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông, tính đến nay tổng chiều dài đường hoa, cây xanh trên địa bàn các xã thực hiện được là 336,5 km. Tỷ lệ hộ trên địa bàn các xã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào và hàng rào có phủ xanh đạt theo quy định.

- *Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái:* Hệ thống ao, hồ sinh thái trên địa bàn các xã đều được nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường, tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp. Các tuyến kênh đều có quy hoạch danh mục nạo vét hàng năm nhằm đảm bảo phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp góp phần tạo cảnh quan thông thoáng an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, sinh thái của địa phương, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.

- *Đối với đường làng ngõ xóm:* Công tác vệ sinh, đường làng, ngõ xóm, cùng với việc cắt tỉa được chính quyền và nhân dân triển khai đồng bộ nhằm bảo vệ môi trường kết hợp trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa dọc theo hai bên lộ góp phần tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Các xã đều xây dựng kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ tại các điểm nóng về môi trường, các trục lộ giao thông và các tuyến kênh, rạch. Hàng năm, các xã đều tham gia hưởng ứng các hoạt động do huyện tổ chức vào các ngày: ngày Đa dạng sinh học thế giới, ngày Môi

trường Thế Giới, ngày Nước Thế Giới, ngày Thế Giới Sạch Hơn, Tuần lễ Nước sạch và vệ sinh môi trường,... vận động nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng xây dựng đường làng, ngõ xóm, sạch, đẹp, cải tạo vườn tạp, trồng hàng rào cây xanh, trồng cây xanh, hoa kiểng, chỉnh trang dọn dẹp nhà cửa, thường xuyên ra quân làm vệ sinh, phát hoang bụi rậm, khơi thông cống rãnh tạo cảnh quan môi trường, xử lý tốt các điểm nóng ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt tinh thần Chỉ thị số 03/CT-HU ngày 27/7/2021 của Huyện ủy An Biên về việc tăng cường vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong xây dựng Nông thôn mới. Điển hình trong công tác này là kế hoạch tổng vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh hưởng ứng phong trào “xuân tình nguyện” của Đoàn thanh niên, phong trào “Ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp”, “Ngày thứ 7 tình nguyện”, “Chiến dịch mùa hè xanh”. Công tác vận động dân xây dựng cột cờ, ảnh bác của Hội Cựu chiến binh được nhân dân trên địa các bản xã rất đồng thuận.

Việc xây dựng quy ước, hương ước về giữ gìn vệ sinh chung trong toàn xã và các hộ gia đình đã lồng ghép việc thực hiện tiêu chí về môi trường cũng được triển khai lồng ghép với việc thực hiện phong trào " Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư". Qua đó được nhân dân đồng tình ủng hộ, thực hiện, tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường.

- *Đối với khu vực công cộng:* Các điểm trường học, Trạm xá, khu dân cư tập trung, công viên được tuyên truyền, vận động phân loại rác, thu gom rác, giữ gìn vệ sinh môi trường chung, hạn chế việc xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định gây mất vệ mỹ quan và ô nhiễm môi trường. Tại trụ sở UBND các xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, luôn được chỉnh trang, quy hoạch trồng thêm cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan. Đặc biệt không trồng các loại cây ngoại lai theo quy định.

Thực hiện đất trồng cây xanh sử dụng công cộng tại các điểm nông thôn gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt tạo cảnh quan xanh – sạch – đẹp. Các ngành liên quan phối hợp UBND các xã hàng năm tổ chức ra quân trồng cây xanh phân tán và trồng rừng theo kế hoạch và chỉ tiêu phân bổ. Nhất là các xã triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đến nay đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ở các xã đạt 271.000/103.498 người bình quân 2,6m<sup>2</sup>/người).

Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

- Theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó huyện An Biên có Nghĩa trang liệt sĩ huyện An Biên quy mô 2,0 ha nằm trên địa bàn thuộc ấp Đông Thành, xã Đông Thái.

- Đối với các trường hợp không thuộc diện được chôn cất trong nghĩa trang liệt sĩ huyện, Chính quyền địa phương các xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong mai táng, lồng ghép với việc

thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; các hình thức mai táng tại địa phương diễn ra phù hợp với điều kiện vùng nông thôn, không gây lãng phí đảm bảo vệ sinh môi trường (không để quá lâu mới chôn cất, nơi chôn cất cách xa nhà ở của gia đình và các nhà xung quanh).

- Ngoài ra, huyện An Biên có 01 khu nghĩa trang nhân dân phục vụ cho việc mai táng của người dân tại ấp Tây Sơn 1, xã Đông Yên quy mô 0,2 ha phục vụ mai táng cho người dân của xã Đông Yên.

- Việc hỏa táng của người dân tại địa phương được thực hiện tại Chùa Khmer (Chùa Thứ 3 thị trấn Thứ Ba) đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế.

- Việc mai táng trên địa bàn các xã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26 tháng 05 năm 2009 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng; Thông tư số 04/2011/BVHTT&DL ngày 21 tháng 01 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

- Đối với rác thải sinh hoạt: Lượng rác thải phát sinh trên địa bàn các xã là 31,6 tấn/ngày, số lượng rác thải được thu gom, xử lý là 27,2 tấn/ngày đạt 86,1%.

- Đối với lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh là rất ít và được thu gom cùng rác thải sinh hoạt. Đối với chất thải xây dựng, phát sinh chủ yếu từ các công trình dân dụng, nhà ở của người dân trên địa bàn được tái sử dụng để san lấp mặt bằng đối với cát, đá. Đốt hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom đối với bao bì và các loại khác.

- Đối với phụ phẩm nông nghiệp được người dân tận dụng triệt để sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, làm nấm rơm và làm phân bón cây trồng, một số khác người dân bán cho thương lái vận chuyển đi tỉnh khác...

Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Theo thống kê tổng diện tích đất chuyên trồng lúa trong năm trên địa bàn 08 xã 5.856,2 ha (2 vụ lúa), với diện tích này hàng năm trên địa bàn các xã phát sinh vô; bao gói thuốc BVTV là 2.907,7 kg/vụ, để giải quyết lượng bao gói này, huyện đã bố trí 118 hố gom trên địa bàn xã; Số lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom hoàn toàn thông qua việc các xã tự chủ động liên hệ Trạm BVTV tổ chức thu gom vận chuyển đến nhà máy Xi măng INSEE Hòn Chông để xử lý khi số lượng tại các hố nhiều, trong thời gian tới UBND các xã có lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh lớn sẽ ký kết hợp đồng thu gom với Công ty Môi trường Á Châu để chủ động hơn và tăng tần suất thu gom.

- Đối với chất thải rắn y tế: Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các Trạm y tế, Tổ y tế trên địa bàn các xã khoảng 132,5 kg/tháng được các cơ sở y tế phân loại, thu gom riêng biệt với rác thải y tế nguy hại.

- Đối với lượng chất thải y tế nguy hại trên địa bàn xã các xã vào khoảng 85,5 kg/tháng nhân viên y tế tại các Trạm y tế, Tổ y tế thu gom vào thùng chuyên dụng có gắn nhãn rác y tế nguy hại, khi số lượng nhiều được chuyển giao cho Trung tâm y tế huyện về xử lý theo quy trình của ngành y tế.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Các hộ dân trên địa bàn các xã thực hiện tốt phong trào “3 sạch” như sử dụng các loại bồn, lu, dụng cụ chứa nước để chứa nước sinh hoạt phục vụ ăn uống. Ngoài ra, Hội LHPN huyện còn tranh thủ vận động các công ty kinh doanh hỗ trợ cầu tiêu tự hoại, bồn chứa nước cho Hội viên phụ nữ vay để thực hiện phong trào “3 sạch”; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho các hộ dân vay vốn để thực hiện các công trình vệ sinh như: xây dựng nhà tắm, nhà tiêu, dụng cụ chứa nước sinh hoạt... Hiện có 23.923/27.165 hộ gia đình có xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 88,07%; có 24.657/27.165 hộ có nhà tắm hợp vệ sinh đạt 90,77%; 25.577/27.165 hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 94,15%; hộ đảm bảo 3 sạch 24.466/27.165 đạt 90,06%. Kết quả tổng số hộ trên địa bàn 8 xã có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 24.214/27.165 hộ đạt tỷ lệ 89,14% (chuẩn 70%).

- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Các cơ sở chăn nuôi chủ yếu là các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ để tận dụng thức ăn thừa phát sinh. Chuồng trại có quy mô diện tích chuồng nhỏ hơn 50 m<sup>2</sup> đều nằm cách biệt với nhà ở và đường đi chung ít nhất 5 m, có xây dựng bể biogas, đệm sinh học hoặc các bể lắng lọc xử lý nước thải theo Điều 56 Luật Chăn nuôi về điều kiện chăn nuôi nông hộ. Tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường chiếm tỉ lệ 85,2% (413/485 hộ).

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được các ngành, các cấp quan tâm. Thời gian qua, huyện đã triển khai nhiều biện pháp thực hiện an toàn thực phẩm như, tổ chức triển khai, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kiểm tra về ATTP được duy trì thường xuyên và tổ chức các đợt cao điểm trong các dịp tết, lễ hội. Trên địa bàn huyện có 635 hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Các xã, thị trấn không ngừng triển khai, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phân loại rác thải tại nguồn theo quy định dựa trên văn bản hướng dẫn của UBND huyện và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện ban hành. Hiện có 8/8 xã thành lập tổ vận động, tuyên truyền triển khai về phân loại rác thải tại nguồn. Trên cơ sở đó các xã, thị trấn đã triển khai, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phân loại rác thải tại nguồn theo quy định thông qua các hình thức: phát tờ rơi, pa nô, mô hình điểm, các buổi họp, buổi sinh hoạt của tổ nhân dân tự quản, tổ dân phố, các

câu lạc bộ về môi trường. Tính đến nay số lượng hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn ở các xã là 11.492/27.165 hộ đạt 42,3%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Các xã, thị trấn không ngừng vận động người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hạn chế sử dụng túi nilong sản phẩm nhựa sử dụng một lần, thực hiện sử dụng lại chai nhựa, thùng nhựa có khả năng tái sử dụng, bán ve chai hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom nếu không thể tái sử dụng lại. Nhiều mô hình hay được triển khai nhân rộng trong việc hạn chế sử dụng túi nilong, phòng chống rác thải nhựa, đổi các sản phẩm có thể tái chế để lấy nhu yếu phẩm. Theo kết quả thống kê trung bình mỗi hộ gia đình phát sinh từ 7-10kg rác thải nhựa trong tháng, lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn là 208,8 tấn/tháng, trong đó lượng rác thải nhựa được người dân tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom để xử lý khoảng 116 tấn/tháng đạt 55,6%.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:**

Hệ thống chính trị ở cấp xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

##### **4.5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

Đến nay, tổng số cán bộ, công chức của 08/08 xã đảm bảo về số lượng và đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ.

Cuối năm 2022, qua kiểm tra, đánh giá, xếp loại Đảng bộ xã đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Các tổ chức chính trị - xã hội của 08 xã đều được cơ quan cấp trên kiểm tra, công nhận đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đến cuối năm 2022, có 08/08 xã nông thôn mới được Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra, ban hành quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội: Hàng năm các xã có xây dựng triển khai kế hoạch công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình, đến nay trên toàn huyện có 09 mô hình CLB PCBLGD, không tham gia tệ nạn xã hội, có 09 điểm tạm lánh, đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện chưa có vụ bạo lực gia đình

mang tính chất nổi cộm xảy ra. Triển khai thực hiện tốt bình đẳng giới như: trong hệ thống chính trị có lãnh đạo nữ chủ chốt là Chủ tịch, phó chủ tịch xã; tỷ lệ nữ tham gia BCH Đảng bộ xã; tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND xã đều Đạt; tỷ lệ nữ 30% tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn, có 334/1.014, chiếm tỷ lệ 32,94%; không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép hôn; có bố trí cán bộ làm công tác trẻ em; có tỷ lệ 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2025; có 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định. Huyện có 8/8 xã đạt chỉ tiêu này.

Có 8/8 xã đều có Kế hoạch và triển khai Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp. Bên cạnh hàng Văn phòng điều tỉnh, BCD huyện đều có mở các lớp tập huấn cho Thành viên BCD huyện, cán bộ phụ trách, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### 4.5.2. Giữ gìn an ninh, trật tự xã hội:

Hàng năm, Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện ban hành Nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương đạt kết quả khá toàn diện. Các xã đều có xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng: Thường xuyên kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng của huyện và xã đúng quy định; Chỉ đạo các địa phương xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh toàn diện và hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng theo kế hoạch.

Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Tình hình an ninh trên địa bàn huyện ổn định và giữ vững, các lực lượng chức năng thường xuyên chủ động phối hợp thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm soát giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn xã hội. Công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội được duy trì thường xuyên, chủ động nắm bắt, phân tích, dự báo sát tình hình, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra, đến nay có 8/8 xã đạt tiêu chí này.

**Đánh giá:** 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên đạt Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ

tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

## **5. Về kết quả thực hiện 09 tiêu chí huyện nông thôn mới:**

### **5.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

+ Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt  $\geq 01$  công trình.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Chỉ tiêu 1.1: Huyện An Biên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 tại Quyết định số 2313/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 10 năm 2022.

Về công tác lập quy hoạch vùng huyện: đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 107/2023/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 theo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tổ chức công bố công khai quy hoạch xây dựng vùng huyện An Biên theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Chỉ tiêu 1.2: Có 02 công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Công trình thứ 1: Vía hè, cống thoát nước Quốc lộ 63 (từ cầu Thứ Hai đến cầu Xẻo Kè) được phê duyệt tại Quyết định số 4912/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện An Biên.

Công trình thứ 2: Vía hè, cống thoát nước chợ Thứ Bảy cũ tại (khu B) được phê duyệt tại Quyết định số 4913/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện An Biên. Đến nay đã thi công hoàn thành.

Ngoài ra còn có 01 công trình hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện là công trình Công viên Chợ Thứ Bảy được phê duyệt tại Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện An Biên.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### **5.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

- + Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch (đạt 100%).
- + Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường (đạt  $\geq 50\%$ ).
- + Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Chỉ tiêu 2.1: Hàng năm trên cơ sở quy hoạch giao thông trên địa bàn, huyện tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng đường, cầu tuyến huyện kết nối với các xã; huyện có kế hoạch đầu tư xây dựng lộ, cầu liên ấp; lộ, cầu tuyến ngõ xóm để phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân.

**Đường bộ:** gồm có Quốc lộ 63, đường tỉnh, đường huyện

\* Tuyến Quốc lộ 63 (Từ Phà Xẻo Rô đến Khu Đô thị Thứ Bảy) dài 19,6km kết nối xã Hưng Yên, Thị trấn Thứ Ba và Đông Thái

\* Đường tỉnh: Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đặt số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang gồm 04 tuyến (Đường Kênh Chông Mỹ (ĐT.964), Đường Nam Thái A (ĐT.964B), Đường Thứ Hai- Hoà Chánh (ĐT.966), Đường Ven sông Cái Lớn (ĐT.966B)) kết nối xã Đông Yên xã Tây Yên, Tây Yên A, Nam Thái A, Đông Yên được nhựa hoá, BT hoá 100%.

\* Về đường huyện: Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đặt số hiệu đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, huyện An Biên có 02 tuyến đường từ huyện về trung tâm xã (kết nối xã Nam Yên và Nam Thái) với tổng chiều dài 17,7km/17,7km được nhựa hoá đạt 100%; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt, được bảo trì hàng năm, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn huyện.

\* Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch đảm bảo ô tô lưu thông được theo quy hoạch phát triển giao thông nông thôn của UBND tỉnh Kiên Giang tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014.

**Đường thủy:** Đường thủy nội địa do huyện quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Có 11 bến đò ngang tuyến kênh xáng Xẻo Rô được cấp phép phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa đảm bảo các điều kiện về an toàn.

\* Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc đặt số hiệu đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, huyện An Biên có 02 tuyến đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch:

\* Tuyến Đường Nam Thái, số hiệu ĐH.53, chiều dài 9,0 km. Hiện trạng, mặt đường trải cán đá láng nhựa rộng 3,5m, lề đường mỗi bên 1,5m, nền đường 6,5m, chất lượng khá. Dự kiến nâng cấp, mở rộng, khi nguồn vốn được bố trí.



\* Tuyến Đường Nam Yên, số hiệu ĐH.54, chiều dài 8,7km. Hiện trạng, mặt đường trải cán đá láng nhựa rộng 5,5m, nền đường 6,5m, chất lượng tốt, nâng cấp, mở rộng đưa vào sử dụng năm 2020.

+ Chỉ tiêu 2.3: Hiện nay đường huyện được trồng cây xanh tổng chiều dài 9,0/18km, đạt 50% (gồm: tuyến Đường huyện Thứ Ba Nam Yên dài 8,7km và tuyến phụ nối liền với tuyến đường huyện Thứ Ba Nam Yên dài 0,3km), còn lại tuyến Đường Nam Thái dài 9km tiếp tục trồng cây xanh trong năm 2023, nâng tổng số km đường huyện được trồng cây xanh là 18/18km đạt 100%.

+ Chỉ tiêu 2.4: Do điều kiện trên địa bàn huyện gần trung tâm Thành phố Rạch Giá và Bến xe khách tỉnh Kiên Giang nên huyện không quy hoạch thực hiện chỉ tiêu này.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### **5.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

+ Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Chỉ tiêu 3.1: Trên địa bàn huyện có 433 tuyến kênh với chiều dài 1.119,4 km tạo thành một mạng lưới kênh rạch chằng chịt; có 37 cống nội đồng ngăn mặn, giữa ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp cho từng tiểu vùng. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có hệ thống cống Cái Lớn – Cái Bé; Âu thuyền Xẻo Rô; 08/15 cống dọc theo tuyến Đê biên; 11 cống nằm trong ô thủy lợi ô 1, cơ bản đáp ứng tốt cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai của huyện; có 44 trạm, phục vụ bơm tát cho 4.420 ha diện tích đất sản xuất lúa.

Công tác thủy lợi luôn được UBND huyện quan tâm thực hiện, hàng năm Huyện đều lập danh mục nạo vét và nâng cấp các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ dân sinh. Đến nay, hệ thống thủy lợi liên xã được xây dựng đồng bộ theo quy hoạch thủy lợi phục vụ nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh (theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 về việc phê duyệt bổ sung Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang).

Từ việc đầu tư có hiệu quả, nên hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu của nhân dân trong sản xuất, vận chuyển hàng hóa và nuôi trồng thủy sản.

- Chỉ tiêu 3.2: UBND huyện kịp thời kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; có phân công nhiệm vụ cho các

thành viên trong Ban Chỉ huy khi có sự thay đổi về nhân sự. Đồng thời xây dựng phương án và thường xuyên rà soát bổ sung phương án phòng chống thiên trên địa bàn huyện. Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai sớm, chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khi có tình huống xảy ra theo phương châm “4 tại chỗ”. Qua đánh giá, chấm điểm theo biểu Phụ lục II theo Hướng dẫn tại Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Huyện đạt 75/100 điểm qua đó đủ điều kiện đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **5.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Nhân dân trên địa bàn huyện An Biên sử dụng điện từ nguồn lưới điện quốc gia. Hệ thống điện trên địa bàn các xã và thị trấn có đường dây trung thế dài 417,446 km, đường dây hạ thế dài 746,704 km, 670 trạm biến áp với tổng dung lượng 41.892,5 kVA.

Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện đảm bảo “đạt” thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí về điện tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí về điện trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025. Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối. 100% xã trong huyện “đạt Tiêu chí về điện theo Hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2022.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **5.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.

+ Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ( $\geq 60\%$ ).

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1).

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 5.1: Trung tâm Y tế huyện An Biên được xây dựng nằm trên tuyến quốc lộ 63 thuận tiện giao thông đường bộ lẫn đường thủy; Trung tâm y tế được xếp loại hạng III theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

Trung tâm Y tế huyện An Biên thực hiện Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế. Là cơ sở hạng III có trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khám chữa bệnh của người dân với quy mô 210 giường bệnh, cơ cấu tổ chức trình độ chuyên môn đội ngũ y bác sĩ luôn đảm bảo theo đúng quy định. Nhân sự hiện nay có 276 viên chức người lao động trong đó tuyến Trung tâm Y tế có 200 viên chức người lao động. Tuyến xã có 76 viên chức người lao động. Tổng biên chế 273 và 03 hợp đồng được phân công làm việc tại các phòng/khoa và các Trạm Y tế.

Toàn huyện có 55 bác sĩ trong đó: BS chuyên khoa 2: 03 người; BS chuyên khoa I: 25; BS Chuyên khoa RHM: 01; BS chuyên khoa YHCT: 03; BS Đa khoa: 25; Thạc sĩ ĐD: 01; Đại học Điều Dưỡng - Phụ sản: 24; Cao đẳng điều dưỡng: 04 Trung cấp điều dưỡng - Phụ sản: 32; DS chuyên khoa 2: 01; DS chuyên khoa I: 13; DS cao đẳng: 06; DS trung cấp: 05; Đại học khác: 36; Trung cấp 86; sơ học 02, cán bộ khác 06.

Trung tâm Y tế huyện và Trạm y tế các xã, thị trấn đều thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, đến điều trị, làm tốt công tác trong chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện, phát hiện sớm xử lý dập tắt dịch kịp thời không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn huyện.

Đến nay Trung tâm Y tế có 05 phòng chức năng và 15 khoa, có quy mô 210 giường bệnh và 9 Trạm Y tế xã, thị trấn trực thuộc Trung tâm Y tế, các khoa/phòng được thành lập riêng lẻ, diện tích của các phòng khoa đều đảm bảo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4601: 2012 công sở, cơ quan hành chính Nhà nước.

Diện tích các phòng chức năng của đơn vị đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214: Thiết kế bệnh viện quận huyện.

Về đảm bảo vệ sinh môi trường: Đối với từng đơn vị của Trung tâm Y tế:

- + Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế đúng theo quy định.
- + Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đúng theo quy định.
- + Có phương án và giải pháp cách ly giữa khu có nguy cơ lây nhiễm với các khu khác của Trung tâm.
- + Có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước theo quy định.

Các phòng khám đa khoa có diện tích đạt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214: 2012 và có hệ thống thu gom và xử lý chất thải y tế theo đúng quy định.

- Chỉ tiêu 5.2: Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện có cơ sở vật chất để tổ chức các sự kiện và các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao hiệu quả và có sự kết nối với các xã:

+ Trung tâm Văn hóa thể thao và truyền thanh huyện được thành lập theo Quyết định số 365/QĐ-UBND, ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang trên tinh thần sáp nhập từ Trung tâm Văn hóa thể thao và Đài truyền thanh huyện.

+ Tổng diện tích đất được quy hoạch theo Quyết định số 1835/QĐ-UBND, ngày 22/07/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 37.058,6m<sup>2</sup>, trong đó diện tích sử dụng đảm bảo theo quy định trên 5.100m<sup>2</sup> gồm sân vận động, trụ sở làm việc của Đài truyền thanh cũ, trụ sở Trung tâm văn hóa hiện tại, khán đài sân khấu, nhà thi đấu đa năng diện tích 926,1m<sup>2</sup>. Diện tích hoạt động trong nhà gồm văn phòng làm việc và phục vụ hoạt động chuyên môn đảm bảo theo quy định.

+ Quy mô xây dựng hiện tại Trung tâm được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Nhà thi đấu đa năng đảm bảo, Hội trường sức chứa trên 500 chỗ ngồi, bên cạnh đó huyện cũng đã trưng dụng Hội trường UBND huyện có sân khấu và sức chứa chỗ ngồi trên 350 người. Có bố trí phòng làm việc của Giám đốc 32m<sup>2</sup> và phòng làm việc của 02 Phó Giám đốc và các phòng chức năng, các bộ phận chuyên môn đảm bảo diện tích theo quy định gồm: hành chính, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, Đội tuyên truyền lưu động, nhà truyền thống, thư viện huyện, kho chứa trang thiết bị. Có công trình thể dục thể thao gồm Sân vận động để phục vụ các hoạt động thể thao ngoài trời và nhà thi đấu đa năng. Tại trung tâm huyện có Hồ bơi diện tích 500m<sup>2</sup> và 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo, huyện đã phối hợp hoạt động theo hình thức liên kết xã hội hóa đạt kết quả tốt.

Huyện trưng dụng sân khấu Hội trường UBND huyện diện tích 14m x 8m, ngoài ra trung tâm còn trang bị sân khấu lắp ráp diện tích 10,5m x 6m nhằm đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động trong và ngoài trời. Trung tâm Văn hóa TT-TT huyện có khuôn viên trước cổng và Sân vận động tổng diện tích 2.000m<sup>2</sup> để bố trí trồng hoa, vườn hoa và tổ chức các sự kiện ngoài trời, các hoạt động vui chơi giải trí, triển lãm hình ảnh...

+ Huyện đã trưng dụng Hội trường UBND huyện có sân khấu chỗ ngồi trên 350 người; có trang bị dàn âm thanh đảm bảo công suất phục vụ tốt.

Huyện đã lắp đặt các dụng cụ tập luyện TDTT ngoài trời trước trung tâm để người dân tập luyện. Trang bị các thảm, trụ sân bóng, cầu lông trong Nhà thi đấu đa năng đảm bảo cho người dân tập luyện TDTT và tổ chức thi đấu các môn TDTT của huyện.

Về phương tiện vận chuyển: Trung tâm Văn hóa TT-TT đã tham mưu cho UBND huyện lập tờ trình xin cấp xe chuyên dùng. Nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn huyện cũng đã trưng dụng xe của Văn phòng HĐND – UBND huyện; xe của Thanh tra giao thông và Đội kiểm tra trật tự đô thị để thực

hiện nhiệm vụ chuyên môn đảm bảo đạt kết quả tốt. Đã tổ chức 30 cuộc xe tuyên truyền lưu động các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, đặc biệt tuyên truyền tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện.

+ Về tổ chức biên chế: Lãnh đạo Trung tâm gồm 01 giám đốc và 02 phó Giám đốc. Các bộ phận nghiệp vụ bố trí đầy đủ như: Hành chính tổng hợp; văn hóa – văn nghệ; thể dục thể thao và Đội tuyên truyền lưu động: 13 thành viên.

+ Về trình độ cán bộ: Đối với cán bộ quản lý có 03/03 đồng chí trình độ Đại học, có 02 đồng chí trình độ cao cấp lý luận chính trị và 01 trung cấp; thâm niên công tác từ 03 năm trở lên. Có 100% viên chức chuyên môn nghiệp đạt trình độ đại học.

+ Tổ chức hoạt động: Hàng năm trung tâm VH-TT có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động và có báo cáo sơ tổng kết kịp thời những kết quả đạt được. Thực hiện đảm bảo 34 chương trình hoạt động tại chỗ và lưu động. Công tác đào tạo năng khiếu được duy trì trong năm 2022 mở 14 lớp đào tạo năng khiếu như võ vovinam; võ cổ truyền; cầu lông; múa, thể dục nhịp điệu... Duy trì tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan như: liên hoan đờn ca tài tử; phối hợp tổ chức hội chợ thương mại hàng tiêu dùng hàng năm tại trung tâm. Kết quả trong năm 2022 đã tuyên truyền và tổ chức sản xuất 365 chương trình thời sự địa phương; duy trì thực hiện 14 chuyên mục phát thanh hàng tuần. Tổng sản phẩm phát sóng 3.350 tin, bài các loại; tổng thời lượng phát sóng trong năm 1.068 giờ. Công tác tuyên truyền cổ động trực quan tập trung trang trí sửa chữa, làm mới công và treo cờ cụ thể: 17 công chào (đèn led chạy chữ), 15 trụ đèn led chớp hoa sen, 35 đèn led chớp bờ câu, 181 trụ đèn led, 1.398 băng rôn khẩu hiệu, 2.756 cây cờ chuối, 926 cờ phướn, 60 cờ chấu tròn. Dàn dựng chương trình tham dự liên hoan văn nghệ quần chúng cấp tỉnh năm 2022, kết quả đạt 01 giải A; 02 giải B; 02 giải C và 01 giải B toàn đoàn; tham dự liên hoan nghệ thuật khome tỉnh Kiên Giang năm 2022, kết quả đạt 2 giải A; 2 giải B; 1 giải C và toàn đoàn đạt giải B.

+ Có nhiều hoạt động kết nối với xã, các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đều kết nối với các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao: cầu lông; bóng chuyền hơi, bóng đá, đờn ca tài tử... được tổ chức tại xã nhằm góp phần thực hiện phương châm đưa văn hóa về cơ sở.

+ Hàng năm Trung tâm đều xây dựng kế hoạch hoạt động của Thư viện nhằm phát huy phong trào văn hóa đọc và thu hút người đọc đến với thư viện. Ngoài ra Thư viện huyện còn phối kết hợp tốt với Thư viện tỉnh tổ chức các hoạt động chương trình hết sức thiết thực, hiệu quả như: Ngày hội đọc sách, hưởng ứng ngày hội đọc sách và văn hóa đọc hàng năm; trao tặng sách cho các xã, thị trấn, thành lập và ra mắt thư viện xã Nông thôn mới...

- Chỉ tiêu 5.3: Trên địa bàn huyện hiện có 03 trường Trung học phổ thông gồm (THPT An Biên, THCS&THPT Đông Thái và THCS&THPT Nam Yên), hiện nay có 02 trường: THPT An Biên, THCS&THPT Nam Yên đều đảm bảo

theo quy định về diện tích đất, cảnh quan môi trường Xanh-Sạch-Đẹp và An toàn, trường có tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích đúng theo quy định, an toàn để tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Các phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập, khối hành chính - quản trị đáp ứng tốt cho hoạt động của nhà trường. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước được đảm bảo, việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Các phòng trang bị đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet, đồng thời trang bị hệ thống Wifi ở nhiều khu vực trong khuôn viên trường. Thư viện thường xuyên bổ sung, cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo góp phần phục vụ tốt công việc giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh.

Hiện nay trường THCS&THPT Nam Yên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2396/QĐ-UBND ngày 27/9/2022, và Trường THPT An Biên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 28/12/2022.

Kết luận tiêu chí 5.3 hiện có 02/3 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, tỷ lệ đạt 66,67% (chuẩn  $\geq 60\%$ ).

- Chỉ tiêu 5.4: Huyện hiện có 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX), Trung tâm GDNN-GDTX An Biên là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện An Biên. Từ khi mới thành lập Trung tâm năm 1993 có tên là Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề huyện An Biên theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 17/7/1993 của Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang; và sau đó thực hiện theo quyết định số 554/QĐ-UBND, ngày 24/02/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển đổi Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – Hướng nghiệp An Biên thành Trung tâm Giáo dục thường xuyên An Biên; thực hiện theo Quyết định số 1215/QĐ-UBND, ngày 31/5/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển Trung tâm Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã về trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; ngày 13/02/2018 thực hiện theo Quyết định số 381 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển các Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện, thị xã trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo về trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX đến nay.

Tổng diện tích khuôn viên của Trung tâm: 3.248,3 m<sup>2</sup>. Cơ sở vật chất Trung tâm được đầu tư xây dựng kiên cố gồm có 01 hội trường và 10 phòng (trong đó: 03 phòng học văn hóa; 01 phòng máy vi tính dạy Tin học được kết nối Internet; 01 phòng giám đốc, 01 phòng phó giám đốc, 01 phòng Kế toán và văn thư; 01 phòng giáo viên; 01 phòng để sách giáo khoa và sách tham khảo; 01 phòng kho); 01 nhà để xe chung cho cán bộ, giáo viên, học viên. Sân nền được bê tông hóa và nhiều cây xanh có giá trị; cổng rào được xây dựng kiên cố.

Hằng năm trung tâm luôn tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ lý

luận chính trị, do tỉnh, huyện và Sở GDĐT tổ chức; Trình độ đào tạo, tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn là 100%, trong đó trên chuẩn: 12,5 %;

Trung tâm có cơ cấu tổ chức phù hợp đúng đề án vị trí việc làm. Chi bộ, chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cha mẹ học viên của Trung tâm hoạt động đúng theo quy định và luôn đạt được kết quả tốt, công tác quản lý hoạt động giáo dục và quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học viên trong Trung tâm. Tập thể cán bộ viên chức trong cơ quan đã chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. Trung tâm luôn đảm bảo về an ninh trật tự, không để xảy ra hỏa hoạn, tai nạn thương tích, cháy nổ, không có trường hợp nào mắc tệ nạn xã hội, an ninh trật tự trung tâm luôn luôn được đảm bảo.

Trung tâm luôn đảm bảo đủ giáo viên để thực hiện đúng chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 31 của quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông Tư 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở GDPT, cơ sở GDTX: Trung tâm GDNN-GDTX An Biên đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 1 tại Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

#### **5.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

+ Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

+ Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

+ Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 6.1: Theo quy hoạch, Khu Công nghiệp Xẻo Rô (Địa điểm xây dựng: xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 210,54 ha) nằm trong danh mục các Khu công nghiệp Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 và Công văn số 1043/TTg-KTN ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Khu Công nghiệp Xẻo Rô đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án quy hoạch phân khu xây dựng 1/2000 (Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày

23/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Tổ hợp khu công nghiệp Xẻo Rô gồm: Khu công nghiệp, Khu dịch vụ - thương mại, Khu dân cư và tái định cư, tỷ lệ 1/2000, diện tích là 299,44 ha (trong đó diện tích khu công nghiệp là 200 ha); Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 theo hướng mở rộng sát bờ sông Cái Bé theo Công văn góp ý của Bộ Xây dựng, theo đó quy mô diện tích khu công nghiệp có thay đổi tăng lên 210,54 ha.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương cho triển khai lập Dự án đầu tư Khu công nghiệp Xẻo Rô (Công văn số 6175/VP-KT ngày 05/10/2020 và Thông báo số 880/TB-VP ngày 04/12/2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh). Ngày 05/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định bố trí vốn đầu tư công năm 2021 cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Khu công nghiệp Xẻo Rô) và đã hoàn tất hồ sơ trình Sở Kế hoạch và đầu tư trình thông qua Hội đồng thẩm định của tỉnh.

Ngày 29/9/2021 UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số 2329/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025 trong đó có Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Xẻo Rô trên địa bàn xã Hưng Yên với quy mô 210,54ha, tổng vốn đầu tư 3.610 tỷ đồng. Hiện nay BQL khu kinh tế tỉnh đang trình trung ương điều tiết vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng nội bộ, đồng thời kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện đầu tư. Mục tiêu đầu tư là tạo quỹ đất sạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp thuê để thực hiện các dự án đầu tư: Công nghiệp chế biến, công nghiệp dệt may, cơ khí, đóng tàu, vật liệu xây dựng...; tiến độ đầu tư 2021-2025. Hiện tại có một số công ty, doanh nghiệp đã đầu tư ụ tàu (Ụ tàu Nhật Quyền, cơ khí sửa chữa tàu thuyền) và có một số nhà đầu tư đăng ký đầu tư công nghiệp chế biến và vật liệu xây dựng).

- Chỉ tiêu 6.2: Huyện An Biên có 02 chợ Trung tâm (chợ Bách hóa tổng hợp và Chợ nông sản), tại khu phố 2, thị trấn Thứ Ba được quy hoạch tại Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 01/12/2003 của UBND tỉnh Kiên Giang quy hoạch theo tiêu chuẩn chợ loại III, với quy mô mỗi chợ trên 300 gian hàng, được phân lô sạp theo phân khu chức năng. Đảm bảo các tiêu chí chợ huyện về công tác phòng chống chữa cháy, thoát nước sinh hoạt. Đặc biệt là công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Các gian hàng, cửa hiệu có cảm kết, chứng nhận An toàn vệ sinh phẩm. Hàng năm đều được đoàn công tác Liên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm kiểm tra ngẫu nhiên theo kế hoạch 03 lần/năm. (tết Nguyên Đán, Trung thu và tháng an toàn vệ sinh thực phẩm) ngoài ra còn kiểm tra đột xuất của các đoàn liên ngành.



Nhìn chung các cơ sở đều chấp hành tốt Luật An toàn vệ sinh thực phẩm. Chưa xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, chưa có đơn thưa hay sự phản ánh của người tiêu dùng về An toàn vệ sinh thực phẩm đến cơ quan chức năng.

Ngoài ra trên địa bàn huyện có 03 cửa hàng Bách hóa xanh hoạt động tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, cung cấp thực phẩm cho người dân trên địa bàn huyện và các huyện lân cận.

- Chỉ tiêu 6.3: Huyện quan tâm thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng lợi thế gắn với nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, từ đó hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực và các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện. Trong đó: (1) Vùng chuyên canh lúa với diện tích 6.000ha tập trung sản xuất lúa chất lượng cao; (2) Vùng tôm - lúa với diện tích 21.100ha phát triển sản phẩm lúa - tôm theo hướng sạch, hữu cơ; (3) Vùng chuyên nuôi trồng thủy sản với diện tích 3.700ha đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo công nghệ 4.0, qua đó đã hình thành và phát triển các mô hình nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đa dạng loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như: tôm, cua, cá...; (4) Vùng bãi bồi ven biển với diện tích 10.000ha phát triển nuôi nhuyễn thể: Sò, vẹm xanh...; (5) Vùng rừng phòng hộ với diện tích 1.700ha tăng cường quản lý bảo vệ rừng, đã đẩy nhanh trồng rừng, chống sạt lở và bảo vệ bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng 30% mặt nước rừng phòng hộ trong nuôi trồng thủy sản, tập trung phát triển nuôi các loài tôm sú, sò huyết.

Về mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện:

(1) *Đối với vùng sản xuất lúa 2 vụ*: Mô hình Cánh đồng lớn phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm tập trung trên địa bàn Thị trấn thứ ba, xã Đông Thái, xã Hưng Yên, xã Đông Yên. Kết quả thực hiện được 6.020ha và có liên kết với doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm cho nông dân. Các đơn vị tham gia liên kết như: Tập đoàn Lộc trời, Doanh nghiệp tư nhân Phạm Phú Quốc, Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn Tấn.... Các Hợp tác xã hoạt động tốt trong lĩnh vực liên kết lúa gồm: Hợp tác xã nông nghiệp Tân Lập, Hợp tác xã nông nghiệp Tân Thành, Hợp tác xã nông nghiệp Tân Nông,... Thu nhập bình quân của các Hợp tác xã tham gia liên kết cao hơn bên ngoài từ 3-4 triệu đồng/ha/năm (áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng giống cấp xác nhận, ứng dụng 3 giảm, 3 tăng, 1 phải, 5 giảm), sử dụng đồng bộ cơ giới hóa từ giai đoạn làm đất đến thu hoạch, năng suất đạt 5,9 tấn/ha, tổng thu nhập bình quân là 120.000.000 đồng/hộ/năm, lợi nhuận là 70.000.000 đồng/năm.

(2) *Đối với vùng tôm - lúa với diện tích*: Mô hình liên kết sản xuất theo các tiêu chuẩn nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, trên địa bàn các: xã Tây Yên A, xã Tây Yên, xã Nam Yên, xã Nam Thái, xã Nam Thái A, xã Đông Thái, xã Hưng Yên, xã Đông Yên. Nổi bật như: hợp tác xã Nông nghiệp Bào Trâm, hợp tác xã nông nghiệp Nam Quý, hợp tác xã mường 40 sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn hữu cơ và kết nối liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm cho thu nhập bình

quân 150-160 triệu đồng/ha, lợi nhuận bình quân là 120.000.000 đồng/năm. Đặc biệt, mô hình liên kết sản xuất lúa - gạo giữa hợp tác xã nông nghiệp Bào Trâm và cơ sở kinh doanh Anh Thoại liên kết chặt chẽ tiêu thụ từ đầu vào đến đầu ra tạo ra sản phẩm gạo đạt Chứng nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao nhằm nâng giá trị sản phẩm lúa gạo.

Phối hợp với các ngành chuyên môn tỉnh, các Viện trường, Doanh nghiệp thực hiện nhiều mô hình trên lúa, tôm,... gắn với sản xuất hữu cơ, Viet Gap. Kết quả có 492,14ha được cấp giấy chứng nhận sản xuất hữu cơ, Viet Gap trên lúa, tôm, Sò huyết cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn các xã Tây Yên A, xã Nam Yên, xã Nam Thái, xã Nam Thái A, xã Đông Thái, xã Hưng Yên, xã Đông Yên. Cấp được 23 mã vùng trồng trên lúa đã mang lại khá nhiều lợi ích cho người nông dân. Từ những sản phẩm được sản xuất trên địa bàn huyện đã có 15 sản phẩm được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao (một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: Cua biển, Tôm càng xanh, Sò huyết, cá Bống Mú, Tôm khô...). Qua đó tăng thu nhập cho người dân, góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần, bộ mặt nông thôn ngày càng khởi sắc. *(kèm theo Báo cáo Thuyết minh 01 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện; hợp đồng liên kết; giấy chứng nhận an toàn thực phẩm).*

- Chỉ tiêu 6.4: Thực hiện Thông báo số 904/TB-SNV ngày 23/7/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang về việc Thông báo ý kiến của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chọn 02 huyện thí điểm thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: Đến nay huyện An Biên chưa thực hiện. Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện quan tâm lãnh đạo chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ các Trạm chuyên môn Khuyến nông, Trồng trọt và BVTV, Chăn nuôi và Thú y thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao. Hàng năm tổ chức chuyển giao khoa học kỹ thuật, tập huấn hướng dẫn người dân phòng chống dịch bệnh, thực hiện các mô hình sản xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao,... các Trạm đã góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi tư duy kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế tập thể và quản lý nhà nước trên lĩnh vực ngành phụ trách. Riêng trong năm 2022 đã phối hợp tổ chức tập huấn được 78 lớp, với 1.817 nông dân tham dự; triển khai các dự án, mô hình như: Dự án cánh đồng lớn nông thôn mới, mô hình sản xuất tôm sú giảm chi phí, an toàn bằng chế phẩm sinh học, mô hình nuôi sò huyết dưới tán rừng; mô hình nuôi tôm sú lúa quản lý cộng đồng, mô hình nuôi vịt Grimaud, gà nòi ô tía, heo thương phẩm theo hướng an toàn sinh học, mô hình nuôi tôm sú xen càng xanh, mô hình nuôi cá sặc rằn.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### **5.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường:**

- Yêu cầu của tiêu chí:

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp  $\leq 50\%$  tổng lượng phát sinh.

+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 40\%$ .

+ Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên ( $\geq 01$  mô hình).

+ Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp ( $\geq 01$  công trình).

+ Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là  $10\%$  diện tích toàn khu.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ( $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$ ).

+ Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ( $\geq 50\%$ ).

+ Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (đạt  $100\%$ ).

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 7.1: UBND huyện đã xây dựng đề án thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt (phê duyệt vào ngày 9/10/2019) và giao cho công ty TNHH Kiệt Hồng thực hiện công tác thu gom tại trục Quốc lộ 63 (Hung Yên, Thị trấn Thứ 3, Đông Thái) và Tuyến tỉnh lộ 996, Đoạn từ cầu Miếu Bà đến Cầu Chợ Đông Yên, Khu vực Chợ Đông Yên. Rác thải được đơn vị thu gom sẽ chuyển giao cho Nhà máy Tâm Sinh Nghĩa để xử lý. Ban hành Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc Ban hành kế hoạch thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện An Biên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 quy định. Hiện nay, huyện đang xây dựng lại đề án thu gom mở rộng thêm 6 tuyến thu gom nhằm nâng cao tỷ lệ xử lý rác thải tập trung trên địa bàn huyện.

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện là 38,1 tấn/ngày. Lượng rác thải sinh hoạt được huyện thu gom, xử lý theo đề án là 9,8 tấn/ngày chiếm 25,7%. Lượng rác được thu gom, xử lý còn lại được hộ gia đình tự thu gom, xử lý bằng hố đốt, lò đốt tại nhà, ủ phân hữu cơ với khối lượng là 15,9 tấn/ngày chiếm 41,7%, biện pháp chôn lấp là 7,8 tấn/ngày chiếm 23,3%.

Đối với lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh là rất ít và được thu gom cùng rác thải sinh hoạt. Lượng rác thải phát sinh từ xây dựng không thường xuyên được sử dụng để san lấp mặt bằng, số khác được chuyển giao cho đơn vị thu gom của huyện.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện cũng phát sinh lượng phụ phẩm nông nghiệp đáng kể có thể gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh nếu không có biện pháp xử lý phù hợp. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện với diện tích trồng lúa 2 vụ 6.990,89 ha, 1 vụ tằm - 1 vụ lúa 20.480,11ha. Với lượng rác thải phát sinh chủ yếu là là rơm, rạ

vào khoảng 210.278 tấn/năm. Lượng rác thải này được người dân sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, làm nấm rơm và làm phân bón cây trồng, một số khác người dân bán cho thương lái vận chuyển đi tỉnh khác... hầu như không còn xuất hiện tình trạng đốt đồng. Một số lượng nhỏ bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong các ruộng tôm của các hộ nuôi nhỏ lẻ được tận dụng san lấp mặt bằng hoặc vun gốc cho cây trồng. Lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh trong nông nghiệp là 3.495 kg/vụ, để giải quyết số lượng bao gói thuốc BVTV này huyện đã bố trí 126 hố thu gom tại các xã, thị trấn; Số lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom hoàn toàn thông qua việc các xã tự chủ động liên hệ Trạm BVTV tổ chức thu gom vận chuyển đến nhà máy Xi măng INSEE Hòn Chông để xử lý khi số lượng tại các hố nhiều, trong thời gian tới UBND các xã có lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh lớn sẽ ký kết hợp đồng thu gom với Công ty Môi trường Á Châu để chủ động hơn và tăng tần suất thu gom.

Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện có tổng cộng 9 trạm y tế xã, thị trấn và 1 trung tâm y tế huyện. Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các cơ sở y tế vào khoảng 212,5 kg/tháng được các cơ sở y tế phân loại, thu gom riêng biệt với rác thải y tế nguy hại và được các cơ sở y tế chủ động mang đến bãi tập kết rác thải sinh hoạt của các xã hoặc tự đốt tại cơ sở. Đối với lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 135,5 kg/tháng, được nhân viên y tế tại các cơ sở thu gom vào thùng chuyên dụng có gắn nhãn rác y tế nguy hại, khi số lượng nhiều được chuyển giao cho Trung tâm y tế huyện về xử lý theo quy trình của ngành y tế. Kiểm tra lại các lò đốt và trạm xử lý nước thải.

- Chỉ tiêu 7.2: Huyện triển khai hướng dẫn phân loại rác tại nguồn thải theo Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản quy định của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 07/6/2022. Cụ thể các văn bản được huyện ban hành như Công văn số 314/UBND-KTTH ngày 21/8/2022 về việc thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trong phạm vi công sở, trường học và Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc Ban hành kế hoạch thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện An Biên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở đó Các xã, thị trấn đã triển khai, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phân loại rác thải tại nguồn theo quy định. Ngoài ra, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các phòng, ban chuyên môn huyện, Đài truyền thanh huyện, Mặt trận tổ quốc huyện, Hội Phụ nữ huyện, Ban Dân vận tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường và hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn cho cán bộ ở cơ sở để mỗi cán bộ, công chức là một tuyên truyền viên vận động, kêu gọi người dân cùng thực hiện; một số mô hình phân loại rác tại nguồn nổi bật được triển khai như: “Mô hình phân loại rác thải tại nguồn và xử lý rác thải hữu cơ bằng chế phẩm IMO bản địa, nấm Trichoderma” trên địa bàn các xã Đông Yên, Nam Yên và Nam Thái A với 240 hộ tham dự, “Mô hình phân loại rác thải tại hộ gia đình” của HPN các xã, Hội Nông dân xã, Mặt trận tổ quốc xã với 250 hộ, hay một số mô hình mang tính chất hướng người dân đến công tác phân loại rác thải tại

nguồn như mô hình lấy rác thải nhựa đổi nhu yếu phẩm, mô hình tái sử dụng rác thải nhựa làm vật dụng nhà bếp (tổng cộng có 36 mô hình với 1.427 thành viên)... Tính đến nay, số lượng hộ gia đình tham gia thực hiện phân loại rác thải tại nguồn và đăng ký thực hiện đăng ký phân loại rác thải tại nguồn là 12.798/30.617 hộ đạt 41,8% số hộ trên địa bàn huyện.

- Chỉ tiêu 7.3: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 mô hình tái chế rác thải hữu cơ tại xã Đông Yên với quy mô 100 hộ tham gia, mô hình sử dụng các phế phẩm hữu cơ phát sinh từ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt thu gom xử lý bón cho cây trồng, qua đó góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn bền vững.

Diện tích sản xuất lúa của huyện là 27.471 ha (bao gồm vùng sản xuất 2 vụ lúa/năm là 6.990,89 ha, vùng sản xuất lúa - tằm 20.480.11 ha). Vì vậy phụ phẩm nông nghiệp từ hoạt động trồng trọt trên địa bàn huyện chủ yếu là phế phẩm rơm rạ trong sản xuất lúa, lượng chất thải từ phụ phẩm phát sinh hàng năm khoảng 210.278 tấn/năm. Trong đó:

+ Sử dụng trực tiếp: phủ luống cho cây trồng, bán cho thương lái đem đi nơi khác để trồng nấm rơm khoảng 83.301 tấn/năm; làm thức ăn cho chăn nuôi (trâu, bò, dê...) và tạo chuồng thức ăn cho thủy sản bằng cày vùi khoảng 73.597 tấn/năm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện có mô hình HTX thu mua rơm rạ để làm nguyên liệu trồng nấm rơm với khối lượng 1.209 tấn (*Theo quy trình hướng dẫn Công văn số 155/TT-ĐMT ngày 28/02/2023 của Cục trồng trọt*).

+ Xử lý phụ phẩm cây trồng: sử dụng phụ phẩm sau khi trồng nấm rơm để sản xuất phân hữu cơ bón cho cây trồng với khối lượng 50 tấn/năm (*Theo quy trình hướng dẫn Công văn số 155/TT-ĐMT ngày 28/02/2023 của Cục trồng trọt*).

Lượng phụ phẩm còn lại (khoảng 24,78%) được cày vùi ngay trên ruộng để góp phần cải tạo đất.

Bên cạnh đó, lượng rác thải hữu cơ phát sinh từ sinh hoạt và phế phẩm từ hoa màu, trái cây cùng các phế phẩm nông nghiệp khác được các hộ gia đình thực hiện ủ phân bằng chế phẩm sinh học IMO bản địa. Phân hữu cơ từ quá trình ủ được tận dụng để làm phân bón cho hoa màu, cây cảnh góp phần xử lý tốt rác thải sinh hoạt tại địa phương và cải thiện nguồn thu cho hộ gia đình.

Ngoài ra, hoạt động chăn nuôi trên địa bàn cũng phát sinh chất thải hữu cơ, tuy nhiên số lượng không lớn. Các cơ sở chăn nuôi chủ yếu nhỏ lẻ và thực hiện theo mô hình ủ Biogas hoặc VAC kết hợp để tạo khí đốt sử dụng cho gia đình và tận dụng làm thức ăn cho ao cá.

Từ đó tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường đạt tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 7.4: Hiện nay, trên địa bàn huyện tại Khu vực chợ Nông sản của Trung tâm thương mại thị trấn Thử Ba có 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung do Công ty TNHH MTV Nam Dương làm chủ đầu tư với công suất 15m<sup>3</sup>/ngày

đêm, phục vụ nhu cầu xử lý nước thải của các hộ mua bán, sinh hoạt trong Khu vực chợ Nông sản. Tuy nhiên chưa đảm bảo theo quy hoạch dự án Trung tâm thương mại thị trấn Thứ Ba có hạng mục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 1.568m<sup>3</sup> (được phê duyệt tại Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thứ Ba). Hiện huyện đã triển khai đầu tư xây dựng mới khu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy mô 200m<sup>3</sup>/ngày đêm, công trình đang tập trung đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành đưa vào vận hành (giá trị xây dựng công trình 4 tỷ đồng).

- Chỉ tiêu 7.5: Hiện nay trên địa bàn huyện, không có làng nghề.

- Chỉ tiêu 7.6: Thực hiện Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Thời gian qua UBND huyện thường xuyên tổ chức ra quân triển khai thực hiện việc trồng cây xanh phân tán và trồng rừng gắn với đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức và nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị, ý nghĩa của việc trồng cây, nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, cung cấp giá trị kinh tế, xã hội. Đến nay tổng diện tích cây xanh khu vực công cộng, trụ sở, khu vui chơi, trường học, công viên khoảng 320.000m<sup>2</sup>/116.650 người bình quân 2,7m<sup>2</sup>/ người, phục vụ cho nhu cầu vui chơi và khả năng tiếp cận của mọi người dân.

- Chỉ tiêu 7.7: Huyện không ngừng tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hạn chế sử dụng túi ni lông sản phẩm nhựa sử dụng một lần; sử dụng lại chai nhựa, thùng nhựa có khả năng tái sử dụng; hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom nếu không thể tái sử dụng lại. Ban hành Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 31/12/2021 về quản lý rác thải nhựa và rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Các hoạt động tuyên truyền, vận động được thực hiện thông qua các hoạt động truyền thông, treo băng rôn, các mô hình hay “Đổi rác thải nhựa lấy gạo, nhu yếu phẩm” trong Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác thu gom, tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa và hạn chế tối đa việc bỏ chất thải nhựa trên các tuyến đường, lộ, sông, ngòi, kênh, rạch, biển. Theo kết quả thống kê trung bình mỗi hộ gia đình phát sinh từ 7-10kg rác thải nhựa trong tháng, lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn là 234,6 tấn/tháng, trong đó lượng rác thải nhựa được người dân tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thu gom để xử lý khoảng 129,4 tấn/tháng đạt 55,2%.

- Chỉ tiêu 7.8: Rác thải phát sinh chủ yếu được người dân để trước nhà hoặc bỏ vào các thùng rác được bố trí dọc các tuyến thu gom của huyện, sau đó được đơn vị thu gom vận chuyển về nơi xử lý vì vậy trên địa bàn huyện chưa bố trí điểm tập kết, trung chuyển rác thải. Tuy nhiên, để hạn chế tình trạng rác thải phát sinh xử lý tự phát tại hộ gia đình và nâng cao tỷ lệ rác thải được thu gom bởi cơ sở đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về môi trường, trong thời gian tới huyện sẽ khảo sát, bố trí các điểm tập kết rác, trung chuyển rác thải trên các tuyến thu

gom của huyện nhằm phục vụ phát sinh từ các khu vực khó khăn với. Ngoài ra, trong các đồ án quy hoạch của từng xã cũng sẽ có quy hoạch các điểm tập kết, trung chuyển rác thải đảm bảo nhu cầu cần thiết của các xã.

***Đánh giá:*** Đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

### **5.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống**

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 50\%$ .

+ Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 50\%$ .

+ Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

+ Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đạt 100%).

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 8.1: Hiện nay, trên địa bàn huyện An Biên có 05 trạm cấp nước tập trung. Trong đó: 04 trạm cấp nước do Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý cung cấp cho nhân dân các xã Đông Yên, Đông Thái, Nam Yên, Nam Thái, Nam Thái A, Tây Yên, Tây Yên A và 01 trạm cấp nước do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang quản lý phục vụ cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân của thị trấn Thứ Ba và xã Hưng Yên. Qua rà soát, trên địa bàn huyện có 12.731 hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt tỷ lệ 46,13%.

- Ngày 25/10/2022 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Tờ trình số 522/TTr-SNNPTNT trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các Trạm cấp nước giai đoạn 2022-2026. Ngày 15/11/2022 UBND tỉnh đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng các trạm cấp nước giai đoạn 2022-2026 trong đó có đầu tư xây dựng mới 01 trạm cấp nước tập trung để cung cấp nước sạch cho nhân dân 02 xã Đông Yên và Hưng Yên với tổng vốn đầu tư 14,7 tỷ đồng, công suất 100 m<sup>3</sup>/giờ cung cấp nước sạch cho 1.000 hộ dân trên địa bàn xã Đông Yên và 1.700 hộ dân trên địa bàn xã Hưng Yên. Sau khi công trình được đầu tư xây dựng, huyện có tổng cộng 6 nhà máy cấp nước tập trung, cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn cho 15.431 hộ dân, đạt tỷ lệ 55,91%. Cụ thể như sau:

+ Xã Đông Yên: 1.878 hộ, đạt tỷ lệ 57,61 %.

+ Xã Hưng Yên: 1.812 hộ, đạt tỷ lệ 45,69 %.

+ Xã Nam Yên: 2.852 hộ, đạt tỷ lệ 72,11 %.

- + Xã Tây Yên: 1.330 hộ, đạt tỷ lệ 35,55 %.
- + Xã Tây Yên A: 1.847 hộ, đạt tỷ lệ 65,45 %.
- + Xã Nam Thái: 2.221 hộ, đạt tỷ lệ 64,01 %.
- + Xã Nam Thái A: 1.482 hộ, đạt tỷ lệ 73,19 %.
- + Xã Đông Thái: 2.009 hộ, đạt tỷ lệ 46,07%.

- Chỉ tiêu 8.2: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 5/5 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động và có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.3: Hiện huyện đã ban hành Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 20/10/2022 về việc Kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện An Biên giai đoạn 2022-2030.

Huyện đang thực hiện quá trình điều tra, đánh giá sơ bộ lại danh mục các sông, kênh, rạch trên địa bàn, tình trạng của các con sông, kênh rạch trong danh mục như: khả năng bồi lắng, xói lở; khô hạn; ô nhiễm rác thải, hóa chất; nhiễm mặn... nguyên nhân dẫn đến các tình trạng trên. Trên cơ sở các kết quả điều tra sơ bộ, huyện sẽ triển khai cụ thể các nhiệm vụ có trong Kế hoạch 166/KH-UBND.

- Chỉ tiêu 8.4: Huyện ban hành Kế hoạch số Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 31/12/2021 về xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp đạt chuẩn huyện nông thôn mới, đến nay đã đạt được nhiều kết quả tốt. Cảnh quan môi trường, đường làng ngõ xóm, khu dân cư đều được chỉnh trang đảm bảo sạch, đẹp và trồng hàng rào xanh; Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng. Hàng rào bằng cây xanh được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông, tính đến nay tổng chiều dài đường hoa, cây xanh trên địa bàn các xã, thị trấn thực hiện được là 372,3 km. Diện tích trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu bằng hoặc lớn hơn 2m<sup>2</sup>/người. Tại các khu vực công cộng như UBND các xã, thị trấn, các Trụ sở ấp, trường học, trạm y tế, các miếu thờ... đều được trồng hoa, cây cảnh, thảm cỏ cảnh tạo điểm nhấn chính cảnh quan môi trường với tổng diện tích 0.32km<sup>2</sup>.

*Đối với đường làng ngõ xóm:* Công tác vệ sinh, đường làng, ngõ xóm, cùng với việc cắt tỉa cảnh được chính quyền và nhân dân triển khai vận động nhằm bảo vệ môi trường kết hợp trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa dọc theo hai bên lộ góp phần tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Các xã đều xây dựng kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ tại các điểm nóng về môi trường. các trục lộ giao thông và các tuyến kênh, rạch. Hàng năm, các xã đều tham gia hưởng ứng các hoạt động do huyện tổ chức vào các ngày Đa dạng sinh học thế giới, ngày Môi trường Thế Giới, ngày Nước Thế Giới, ngày Thế Giới Sạch Hơn, Tuần lễ Nước sạch và vệ sinh môi trường,... vận động nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng xây dựng đường làng, ngõ xóm sạch đẹp, cải tạo vườn tạp, trồng hàng rào cây xanh, trồng cây xanh, hoa kiểng, chỉnh trang dọn dẹp nhà cửa, thường xuyên ra quân làm vệ sinh, phát hoang bụi rậm, khơi thông cống rãnh tạo cảnh quan môi trường, xử lý tốt các điểm nóng ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt tinh thần



Chỉ thị số 03/CT-HU ngày 27/7/2021 của Huyện ủy An Biên về việc tăng cường vai trò của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong xây dựng Nông thôn mới. Điển hình trong công tác này là kế hoạch tổng vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh hưởng ứng phong trào “xuân tình nguyện” của Đoàn thanh niên, phong trào “Ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp”, “Ngày thứ 7 tình nguyện”, “Chiến dịch mùa hè xanh”. Công tác vận động dân xây dựng cột cờ, ảnh bác của Hội Cựu chiến binh được nhân dân trên địa bàn xã rất đồng thuận.

Việc xây dựng quy ước, hương ước về giữ gìn vệ sinh chung trong toàn xã và các hộ gia đình đã lồng ghép việc thực hiện tiêu chí về môi trường cũng được triển khai lồng ghép với việc thực hiện phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư". Qua đó được nhân dân đồng tình ủng hộ, thực hiện, tạo chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường.

*Đối với khu vực công cộng:* Các điểm trường học, điểm tập trung mua bán nhỏ lẻ được tuyên truyền, vận động thu gom rác, giữ gìn vệ sinh môi trường chung, hạn chế việc xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, trên địa bàn một số xã còn tình trạng chợ tự phát, chưa có hệ thống thu gom nước thải, rác thải vì vậy còn xảy ra tình trạng tồn đọng nước, rác thải xử lý không đảm bảo về môi trường.

*Cảnh quan không gian sáng:* Các tuyến đường xã, liên xã đều được xây dựng hệ thống chiếu thông qua vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các công trình Thanh niên, Hội cựu chiến binh về hưởng ứng chiến dịch “Thắp sáng đường quê”, đảm bảo chiếu sáng từ 50%.

- Chỉ tiêu 8.5: Hoạt động về an toàn thực phẩm được tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên, tổng cơ sở hiện có trên địa bàn huyện 800 cơ sở vừa và nhỏ, trong đó kinh doanh thực phẩm 434 cơ sở, dịch vụ ăn uống 315 cơ sở, sản xuất thực phẩm 18 cơ sở và thức ăn đường phố 33 hộ, tất cả các cơ sở trên địa bàn huyện An Biên đều có cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Trung tâm Y tế tham mưu cho UBND kiện toàn Ban chỉ đạo và đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm từ cấp huyện đến cấp xã/thị trấn. Xây dựng kế hoạch hoạt động năm của Ban chỉ đạo, kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch kiểm tra, giám sát các đợt trọng điểm như Tết nguyên đán và mùa lễ hội xuân, tháng hành động vì an toàn thực phẩm và tết trung thu hàng năm kết quả như sau: Phát thanh tuyên truyền 120 lượt; Tập huấn tuyên truyền về ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại UBND các xã/thị 352 lượt người tham dự; Cấp tờ rơi về ATTP 2358 tờ; Cấp áp phích về ATTP 45 tờ; Kiểm tra, giám sát 04 đợt 74 lượt đạt 124% (so với chỉ tiêu giao 600 lượt); Xét nghiệm labo 36 mẫu đạt 120% chỉ tiêu giao; Xét nghiệm nhanh 61 mẫu đạt 101% chỉ tiêu giao; Ngộ độc thực phẩm không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm nào trên 30 người; Vi phạm về ATTP: không có. Ngoài ra huyện An Biên có tổng số 30.617 hộ dân với 116.650 người, trong đó số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản là 14.908 hộ. Phòng Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với xã, ấp cho các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn cho 14.908 hộ, đạt 100%.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**5.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công:**

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (*đạt 100%*).

+ Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đảm bảo an ninh, trật tự.

+ Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

+ Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 9.1: Năm 2022 Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Chỉ tiêu 9.2: Năm 2022, các Tổ chức chính trị - xã hội của huyện (gồm Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện, Đoàn TNCS HCM, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động huyện) được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên theo Báo cáo số 02/BC-PNV ngày 10/02/2023 của Phòng Nội vụ huyện An Biên.

- Chỉ tiêu 9.3: Trong 02 năm 2020-2021 và đến hết tháng 12/2022 huyện không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Chỉ tiêu 9.4: Hằng năm Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước. Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

- Chỉ tiêu 9.5: UBND huyện An Biên đã được cấp tình trạng bị hệ thống một cửa điện tử (<https://dichvucong.kiengiang.gov.vn/>) để các phòng ban cấp huyện tham gia giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử trong đó dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 36 TTHC, mức độ 4 là 188 TTHC. Trong năm 2022 bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đã tiếp nhận 11.413 hồ sơ, giải quyết 10.856 hồ sơ đúng hạn, đạt tỉ lệ 95,11%, trễ hạn 533 hồ sơ chiếm 4,88%. Hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công mức độ 3,4 là 6.809/11.413

hồ sơ 59,66%. Trong đó: Tây Yên A đạt 68,75%, Tây Yên đạt 84,08%, Nam Yên đạt 57,78%, Nam Thái đạt 88,59%, Nam Thái A đạt 49,31%, Hưng Yên đạt 43,74%, Đông Thái đạt 72,48%, riêng xã Đông Yên đạt trên 50,94% trở lên theo quy định.

- Chỉ tiêu 9.6: Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 1723/QĐs-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ Tư pháp, kết quả chấm đạt số điểm 96/100 điểm, có báo cáo kết quả tiêu chí đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và có phụ lục chấm điểm kèm theo. Trong đó huyện đã thực hiện tốt công tác ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn. Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin của người dân. Hằng năm, UBND huyện xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Định kỳ tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật. Các cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính. Năm 2022, 9/9 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã Đông Yên chuẩn nông thôn mới nâng cao tại Quyết định số 3256/QĐ-UBND, ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang, đạt trên 10%/tổng số xã và đảm bảo đủ điều kiện về huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

**Đánh giá:** Đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

## **6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới:**

Huyện đã quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công,...Do đó, từ khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến nay, trên địa bàn huyện An Biên không có phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

## **7. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao**

### **7.1. Quan điểm**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện

việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

Xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao xác định: nâng cao thu nhập, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, giữ gìn an ninh trật tự là những tiêu chí cần có kế hoạch chuyên đề thực hiện.

## **7.2. Mục tiêu**

### **7.2.1. Mục tiêu chung**

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng nông thôn mới thông minh; tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

### **7.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu đến năm 2025 huyện có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Huyện sau khi đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục xây dựng kế hoạch và thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn huyện nâng cao.

## **7.3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao**

### **7.3.1. Nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao:**

**Quy hoạch:** Tiếp tục nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế địa phương; làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền để nhân dân được biết, thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, xây dựng đúng theo quy hoạch, tăng cường quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

**Giao thông:** Hàng năm tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ Trung ương, tỉnh, huyện và huy động sự đóng góp trong Nhân dân, các mạnh thường quân để tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã, đường trục ấp, ngõ xóm, đường trục chính nội đồng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm Luật Giao thông, lắp biển báo đúng quy định, không vi phạm hành lang an toàn giao thông; duy trì và nhân rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; các tuyến đường hoa trên địa bàn các xã.

**Thủy lợi:** Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho sản xuất; phòng, chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; hàng năm tranh thủ nguồn vốn đầu tư nạo vét các tuyến kênh, mương phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

**Trường học:** Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học. Xây dựng kế hoạch cụ thể để đầu tư xây dựng các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục trang bị, bổ sung các thiết bị dạy học; duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học theo định hướng phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường trong trường học đạt “*xanh - sạch - đẹp - an toàn*”.

**Nhà ở:** Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở, chính sách an sinh xã hội và các nguồn hỗ trợ của mạnh thường quân để tiếp tục đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định, đạt chuẩn. Tuyên truyền, vận động người dân có điều kiện thực hiện cải tạo, chỉnh trang nhà ở nhằm nâng tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.

**Văn hóa:** Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy ước của các ấp cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện. Hàng năm, lồng ghép và huy động các nguồn lực để sửa chữa, xây dựng mới một số trụ sở nhà văn hóa ấp, khu phố, các sân thể thao đã xuống cấp, ...

**Y tế:** Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất cho y tế, đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị y tế để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân.

**Kinh tế và tổ chức sản xuất:** Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp và kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Triển khai tốt các chủ trương chính sách hỗ trợ, đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn, như chính sách quản lý, sử dụng đất trồng lúa, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực.

Tiếp tục thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tập trung triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, duy trì và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

Thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản qua đó củng cố xây dựng liên kết vững chắc giữa hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp và định hướng xây dựng được vùng nguyên liệu để hình thành mỗi hợp tác xã có một sản phẩm mang nhãn hiệu có tính cạnh tranh, nâng cao thu nhập cho thành viên.

Tiếp tục triển khai Đề án “*Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm*”. Trong đó tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của từng địa phương, đồng thời xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để hướng đến xây dựng quy trình sản xuất đạt quy chuẩn quy định, xây dựng được nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện và các loại nông sản khác khi đủ điều kiện.

Phát triển sản xuất theo hướng tập trung đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện để mang lại giá trị kinh tế cao. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Môi trường và an toàn thực phẩm: Thường xuyên cải tạo, nâng cấp các bãi rác, tiếp tục thực hiện tốt việc thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện. Tiếp tục hướng dẫn, nhân rộng mô hình phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, trường học đảm bảo vệ sinh môi trường. Tổ chức đoàn thể huyện, xã thực hiện có hiệu quả các mô hình, kế hoạch vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức người dân, hộ gia đình và chủ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Hệ thống chính trị, an ninh trật tự: Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã gắn với sắp xếp lại bộ máy tổ chức và tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng.

Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

### 7.3.2. *Nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới*

Quy hoạch: Phát huy hiệu quả và quản lý tốt quy hoạch vùng huyện, đảm bảo quy hoạch được thực hiện đúng theo định hướng, góp phần cho kinh tế - xã hội của huyện phát triển đồng bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo xu thế phát triển chung của tỉnh trong thời gian tới.

**Giao thông:** Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện và các cầu giao thông trên các tuyến, đảm bảo đồng bộ với cấp đường; nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông nông thôn gắn với quá trình phát triển đô thị. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông nhằm giữ vững và nâng chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới.

**Thủy lợi:** Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý để nạo vét hàng năm, củng cố, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới.

**Y tế:** Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo giữ vững tiêu chuẩn quốc gia về y tế; củng cố hoạt động các trạm y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

**Văn hóa:** Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa, các thiết chế văn hóa khác nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và giao lưu văn hóa của Nhân dân.

**Trường học:** Tiếp tục đầu tư để các trường THPT đạt chuẩn quốc gia theo quy định, nâng tỷ lệ toàn huyện có 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

**Môi trường:** Đẩy mạnh rà soát, thu gom và vận chuyển kịp thời lượng rác thải tại các xã, thị trấn về các bãi rác để xử lý. Tăng cường vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm, khu dân cư, các chợ; xử lý môi trường chăn nuôi ở nông thôn; thường xuyên đầu tư nâng cấp các bãi rác, xử lý đúng quy định rác y tế và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

#### **7.4. Giải pháp thực hiện**

##### *- Nhóm giải pháp về công tác tuyên truyền*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân, để mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

##### *- Nhóm giải pháp về Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội*

Duy tu, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ cùng với ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn đảm bảo thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, các cống đầu mối đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

*- Nhóm giải pháp về Tổ chức lại sản xuất*

Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu, nhãn hiệu trên thị trường.

Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển sản xuất bền vững. Tập trung chỉ đạo chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

Tiếp tục xây dựng, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã theo mô hình kinh doanh đa ngành, kể cả mở rộng loại hình dịch vụ tín dụng nội bộ, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; sử dụng đất đai theo hướng hiệu quả thông qua chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Quan tâm củng cố và phát triển các HTX, tổ hợp tác trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Hướng hoạt động của HTX, Tổ hợp tác tập trung vào sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất sạch, an toàn và nâng cao giá trị sản phẩm, đảm bảo có tính cạnh tranh trên thị trường.

Đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa, chuyển đổi số phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất và tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa. Ngoài ra, thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo sản phẩm chủ lực của huyện; chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây màu có giá trị kinh tế cao, nuôi thủy sản,... để tạo sản phẩm có giá trị kinh tế, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

Hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, liên kết nông dân với nông dân và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, có quy mô lớn, từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của huyện.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình, gắn với công nghệ chế biến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng giống, vật tư, chuyển giao kỹ thuật, thu mua và chế biến nông sản, phát triển thương mại, dịch vụ nông thôn và đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công



tác khuyến công trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP gắn với phát triển du lịch nhằm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh trên thị trường góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức sản xuất theo quy trình an toàn, sản xuất theo chuỗi sản phẩm sạch và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.... Hỗ trợ phát triển HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đồng thời tạo điều kiện cho các HTX, tổ hợp tác, doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Tổ chức các lớp đào tạo; hỗ trợ xây dựng các điểm, trung tâm bán hàng kết nối nông sản với thị trường.

Phát huy vai trò hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ nông sản; hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp có năng lực tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai thực hiện tốt Đề án chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của huyện.

Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề đến làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

*- Nhóm giải pháp về Văn hoá, Xã hội và Môi trường*

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học nhằm đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định trong thời gian tới.

Nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là ở các trạm y tế xã. Giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị và giữ vững các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với xây dựng nông thôn mới, duy trì các xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới.

Tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng chất Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, đảm bảo có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Duy trì và nâng chất lượng tiêu chí môi trường, xây dựng huyện An Biên “*sáng - xanh - sạch - đẹp*”. Trang bị đầy đủ phương tiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Nhân rộng mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ bằng phương pháp ủ sinh học để sử dụng làm phân bón cho cây trồng. Tăng cường thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải và thúc đẩy phân loại tại nguồn; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân áp dụng các biện pháp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

*- Nhóm giải pháp về Hệ thống chính trị*

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong công tác vận động, tuyên truyền nhân dân tham gia thực hiện nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp, Văn phòng nông thôn mới cấp huyện; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn: Cùng cố và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đảm bảo địa bàn các xã giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng công an, quân sự chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng 100% xã vững mạnh về quốc phòng, xã an toàn về an ninh, trật tự.

Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì các chế độ trực, lực lượng trực ở các đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trình sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nhằm nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

Duy trì và nâng chất kết quả xây dựng huyện nông thôn mới An Biên gắn với quá trình phát triển đô thị phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của huyện, đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của tỉnh Kiên Giang trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông thôn mới, phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

## II. KẾT LUẬN

**1. Về hồ sơ:** Hồ sơ đầy đủ, đúng trình tự và thủ tục theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

**2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện:**

Trong thời gian qua, Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện được thành lập và kiện toàn (*khi có thay đổi thành viên*) và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đúng theo quy định. VPĐP nông thôn mới huyện hoàn thành xuất sắc công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

**3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định:** Huyện có 100% xã (08 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 12.5% xã (01 xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Có 100% thị trấn (thị trấn Thứ Ba) đạt chuẩn đô thị văn minh.

### **3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:**

- Tổng số xã trên địa bàn huyện An Biên: 08 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 08/08 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: đạt 100%.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 01/08 xã.
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 12,5%.

### **3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:**

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn.
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01/01 thị trấn.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: đạt 100%.

## **4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

- 08/08 xã trên địa bàn huyện An Biên thực hiện đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025, đạt 100%;

- 01/08 xã (xã Đông Yên) thực hiện đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025, đạt 12,5%.

**5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới:**

Huyện An Biên đạt 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phân công các sở, ban ngành hướng dẫn, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới:**

Tính đến thời điểm thực hiện quy trình công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới), huyện An Biên **không có nợ đọng** xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới.

### **III. KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện An Biên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 đối với huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Chỉ đạo TW các CT MTQG;
- Bộ NN&PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- VPĐP NTM tỉnh;
- UBND huyện An Biên;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VPĐP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

## BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN

### CÁC TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥01 công trình	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%	Đạt	Đạt
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ	≥60%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra
		thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên			
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Đạt	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	Đạt	Đạt
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	$\geq 01$ mô hình	Đạt	Đạt
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	$\geq 01$ công trình	Đạt	Đạt
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh	$\geq 50\%$	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra
		trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định			
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Đạt	Đạt
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥33%	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥35%	Đạt	Đạt
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Đạt	Đạt
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt	Đạt
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt	Đạt
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt